

KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

Triều Vua ĐẠI ĐUỜNG: Nước VU ĐIỀN

Hán dịch: Tam Tạng Sa Môn: ĐỀ VÂN BÁT NHÃ vâng chiếu dịch.

Việt dịch: Tỳ kheo THÍCH THIỆN THÔNG dịch ra Việt văn.

Lời giới thiệu

Nhiều người biết: hễ ai thành tâm tạo tượng Phật, thì có được nhiều công đức, nhưng ít người biết số lượng công đức đó như thế nào, chính trong Kinh TẠO TƯỢNG PHẬT này, Đức Phật dạy rõ điều đó.

Tuy nhiên, phải thành tâm tạo tượng Phật, có đủ tướng tốt trang nghiêm, nếu không được toàn hảo thì ít ra cũng phải có đủ những nét biểu hiện Đại trí, Đại từ, Đại giải thoát, hoặc như trong kinh này dạy: “Phải đủ hai tướng: “Bạch hào và nhục kế, để khi nhìn vào, biết là tượng Phật” để phát khởi lòng kính tin, thì mới có công đức. Trái lại, tạo tượng Phật mà không biểu lộ được tướng gì của Phật và khi nhìn vào cũng không biết đó là tượng Phật, không phát khởi được tín tâm, còn xem thường nữa, thì việc tạo tượng như vậy tất nhiên là không có công đức, lắm lúc còn mang tội nữa là khác.

Vì vậy, để giúp sự hiểu biết đúng đắn sâu sắc về công đức tạo tượng Phật, tôi xin tán thán và hoan hỷ giới thiệu bản dịch kinh “CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT” này của Tỳ kheo Thích Thiện Thông đến quý vị Phật tử.

Chùa Từ Đàm, ngày 5 tháng 5 năm 1993

HT. Thích Thiện Siêu

THAY LỜI TỰA

Tạo hình tượng Phật hoặc hình tượng Bồ Tát, là việc làm có một ý nghĩa cao quý và gây một cái nhen công đức, phước đức lớn lao! Cho nên hơn 2500 năm, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, hàng xuất gia, tại gia đệ tử của Phật, từ Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, các nước Phật giáo trên thế giới cho đến Việt Nam, đã có không biết bao nhiêu người tạo lập hình tượng chư Phật, Bồ Tát để chiêm ngưỡng, lễ lạy, cúng dường.

Trước khi lược nêu công đức, phước đức của sự tạo tượng Phật, chúng ta hãy ngược giòng thời gian, tìm hiểu xuất xứ của việc tạo hình tượng Phật bắt nguồn từ đâu và ai là người đầu tiên phát tâm tạo hình tượng Phật.

Một sự tình cờ đưa đến cho chúng tôi là: Năm 1992 trong mùa an cư, sau khi dịch xong kinh CHƯ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN và kinh TỐI VÔ TỶ (kinh nói về công đức Quy y Tam Bảo), chúng tôi đọc đến kinh ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT, là bộ kinh gồm hai quyển, mang số 694 trong Hán tạng Đại Chánh Tân Tu. Xem xong bộ kinh, chúng tôi vô cùng mừng rỡ, vì nhận ra những điều mới lạ mà từ trước đến nay, trong các bản kinh Phật giáo Việt dịch, tôi chưa từng gặp bản nào dịch về kinh này. Nhưng có thể nói trong quyển “Tam Bảo Cảm Ứng”, ngài Thích Thiên Tâm có dịch một vài tiểu tiết, liên quan đến việc tạo tượng Phật của vua ƯU ĐIỀN (kinh này dịch là vua Ưu Đà Diên).

Căn cứ vào kinh ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT đây thì, khi Phật còn tại thế, vua Ưu Đà Diên, trị vì nước Câu Diệm Di, là người đầu tiên đã dùng gỗ thơm Chiên đàn đỏ, tạo ra hình tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Vậy nguyên do nào vua Ưu Đà Diên tạo hình tượng Phật? Động cơ thúc đẩy vua Ưu Đà Diên tạo hình tượng Phật là bởi nguyên do như vậy:

Sau thời gian gần 49 năm thuyết pháp độ sanh, trong một mùa an cư 90 ngày (có lẽ là mùa an cư cuối cùng), Đức Phật vắng bóng ở trần gian, Ngài lên cung trời Đao Lợi nói kinh, giáo hóa chư Thiên và độ thân mẫu là Ma Gia phu nhơn được chứng thánh quả, thì vua Ưu Đà Diên không tìm thấy Đức Phật nơi đâu, lòng khát ngưỡng nhớ mong cực độ, đến nỗi vua này bi cảm âu sầu nhiều ngày, xao lãng cả việc triều chính và không màng đến thú vui vương giả. Vua không biết cách nào gặp Đức Phật cho đỡ nhớ mong, bèn nghĩ đến cách tạo tượng Phật.

Vua triệu tập các tay thợ điêu khắc nổi tiếng trong nước để tạo tượng Phật, nhưng ai cũng từ chối không dám nhận lời, vì họ nghĩ rằng: Sắc thân của Phật tướng tốt tuyệt vời, e rằng tượng Phật tạo ra nếu có sai lầm, sẽ làm cho họ đắc tội và lui mất thanh danh. Khi đó có vị thần Tỳ Thủ Yết Ma, tương truyền là vị thần điêu khắc, đã biến thân ra làm người thợ mộc, ông mang dụng cụ đến nhận trách nhiệm tạo hình tượng Phật để giúp nhà vua. Thần Tỳ Thủ Yết Ma trở hết tài năng, chỉ trong một ngày là xong tượng Phật, cao bảy thước mộc, tượng màu vàng tía, đủ các tướng tốt, khiến người nhìn đến biết là tượng Phật.

Vua Ưu Đà Diên tạo tượng Phật xong, tiếng vang lan truyền các nước lân cận, vua các nước lớn như vua Ba Tư Nặc, vua A Xà Thế và vua Nghiêm Xí, đều đem lễ vật đến cúng dường chiêm ngưỡng và đều khen việc làm của vua Ưu Đà Diên.

Thời gian ba tháng chằm dứt, Đức Phật trở xuống cõi Diêm Phù Đề, vô lượng chư Thiên trong sáu cõi trời Dục giới, 18 cõi trời Sắc giới, đồng dâng lễ cúng dường Đức Phật và tiễn đưa Ngài trở lại trần gian. Hàng đệ tử xuất gia, tại gia ít nhất là bốn nước, gồm đủ mọi thành phần, đã tụ hội về thành Tăng Già Thi cung đón Đức Phật. Một quang cảnh vô cùng vĩ đại vô tiền khoáng hậu đã diễn ra lúc đó, ấy là cuộc hội kiến Thần tiên giữa Trời và người, chưa từng có trong nhân loại. Tất cả những ai thành tâm mang những lễ phẩm cúng dường Đức Phật, đều thành tựu phước đức và thành tựu cái nhân đắc độ hiện tiền và đời sau, nhiều phái ngoại đạo hơn đó mà bỏ tà về chánh, quy y Tam Bảo. Như thế, Đức Phật đã hoàn thành bản nguyện độ sanh của Ngài, khi xuất hiện trên cõi đời này. Cho nên trong kinh DI GIÁO có chỗ ghi rằng: “Những người đáng độ ta đã độ xong, những người chưa được độ, ta cũng đã gây nhân duyên cho họ được độ sau này...” Đây rõ ràng là lòng từ bi vô tận, cứu độ chúng sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Thế Tôn của chúng ta.

Để các chúng sanh đời sau hiểu rõ phước đức, công đức tạo tượng Phật, Ngài Di Lặc Bồ Tát đã thay mặt tất cả phàm Thánh, thưa hỏi Phật về công đức tạo tượng của vua Ưu Đà Diên, Đức Phật tuần tự nói về phước báo và công đức thù thắng của người có tâm thành tín thanh tịnh tạo ra tượng Phật. Kinh này ghi rõ những phước báo về công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy. Dưới đây chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn để chư vị có một khái niệm sơ qua:

“Di Lặc! Nếu có người nào dùng những tơ sợi thêu thùa tượng Phật, hoặc là nấu đúc bằng thứ vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm, hoặc điêu khắc bằng gỗ thơm Chiên đàn, hoặc khắc bằng thứ trân châu, sò ốc, gấm vóc dệt thành, đất đỏ, xi măng, thạch cao, đất sét, hoặc các thứ gỗ... Dùng những vật đó tùy phần sức mình tạo ra tượng Phật, cho đến rất nhỏ như ngón tay cái, có thể khiến cho người khác nhìn biết đó là tượng Phật, phước báo người đó nay ta sẽ nói:

“Di Lặc! Những người như vậy ở trong sanh tử, tuy còn trôi lặn, trợn chẳng sanh tại gia đình nghèo cùng, cũng chẳng sanh nhà giòng dõi thấp hèn, cô đơn hẻo lánh ở ven cõi nước, lại cũng chẳng sanh vào nhà tà kiến, con buôn con bán, nhà làm hàng thịt, cho đến chẳng sanh vào giòng hèn hạ, kỹ nữ bất tịnh, hoặc nhà ngoại đạo khổ hạnh tà kiến, trừ khi vì sức thế nguyện Từ Bi, ngoài ra chẳng sanh vào những nhà ấy.

“Người này thường sanh vào nhà thuộc giòng tộc vua Thánh Chuyển Luân có thế lực lớn, hoặc sanh giòng Bà La Môn tịnh hạnh, hoặc nhà giàu sang không tạo tội nặng. Sanh ở nơi nào cũng thường gặp Phật vâng thờ cúng dường, hoặc được làm vua thọ trì chánh pháp, đem pháp giáo hóa không trái đạo, hoặc làm vua Thánh

Chuyển Luân oai hùng. Sinh ra nơi nào cũng là đàn ông, không chịu thân nữ. Lại chẳng chịu thân Huỳnh môn hai hình là thứ hèn hạ, thân được thọ sanh không bị xấu xí. Mắt chẳng mù chột, tai chẳng điếc lác, mũi chẳng cong gãy, miệng chẳng méo lệch, môi chẳng trề xuống cũng chẳng tím rút, răng chẳng thừa thiếu, chẳng đen, chẳng vàng, lưỡi chẳng ngắn thụt, cổ chẳng bườu nhọt, thân chẳng lưng gù, da chẳng loang lỗ, tay chẳng cụt ngón, chân chẳng lệch què, chẳng quá ốm o, chẳng quá béo mập, cũng chẳng quá dài, cũng chẳng quá ngắn, đều không có các tướng chẳng đáng ưa...”.

Trên đây là một ít điều trích dẫn về phước báo dòng dõi thân tướng của người tạo tượng Phật. Ngoài những phước báo trên, còn có những quả báo khác là: trừ diệt các thứ nghiệp chướng như: Năm tội đại nghịch, mười nghiệp chẳng lành, bốn tội phạm nặng v.v... nói chung là những nghiệp ác nặng nề nhất mà một con người có thể lãnh nhận, nhưng nếu phát tâm thành tín tạo tượng và sám hối, thì không tái phạm, thì những nghiệp ác, những quả báo ấy đều bị tiêu diệt.

Tại sao công đức tạo tượng to lớn như vậy?

Bởi vì các Đức Như Lai, từ khi phát tâm tu hành cho đến thành Phật, đã trải qua vô biên A tăng kỳ kiếp, chứa nhóm vô lượng phước đức, thành tựu vô biên công đức, trí tuệ, các Ngài thường dùng các thứ công đức ấy hộ trì cho các chúng sanh có đức tin thanh tịnh, do vậy mà sự tạo tượng Phật có thể trừ diệt các thứ nghiệp ác sâu nặng.

Vả lại, tâm lực của mỗi chúng sanh, hay của mỗi người chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn, vốn sẵn đủ hằng sa công đức, diệu dụng. Nếu chúng ta thường tư duy về những công đức của Phật, thường quán xét các Đức Như Lai có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, có 10 lực, bốn món Vô úy, sáu Ba la mật, đại từ, đại Bi và đại Trí tuệ. Chính khi tư duy về những công đức của chư Phật, tức là phát động cái nhân công đức chẳng thể nghĩ bàn của chính chúng ta. Do năng lực huân tập này mà những nghiệp ác cực nặng và những quả báo xấu có thể chuyển đổi. Ta quán sát tướng hảo nơi sắc thân ta. Hạt giống đã có thì quả sẽ phát sanh và khi quả phát sanh là ta sẽ có các tướng hảo. Đạo lý này vốn chơn thật và không sai lạc bao giờ.

*Nói tóm lại, nhờ tư duy công đức chư Phật bên ngoài, cho nên thành tựu công đức của Phật tâm bên trong tâm chúng ta. Nhờ tư duy công đức của Phật bên trong tâm chúng ta, cho nên thành tựu các phước báo thuộc sắc thân và hoàn cảnh bên ngoài. Đây là một đạo lý vi diệu, được gọi là Đại thừa, sự tạo tượng Phật này nằm trong đạo lý vi diệu đó, cho đến bộ kinh nói về việc tạo tượng đây, được gọi là **KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT**.*

Kinh này gồm hai quyển, được trình bày bằng một lối văn sắc sảo trác việt. Nội dung của kinh, ngoài việc nói về công đức phước đức do tạo tượng mà thành, kinh cũng dạy rõ những phương tiện siêu thắng khéo lạ của Đức Phật, vì giáo hóa chúng sanh, Ngài thị hiện có các chương nạn v.v... Điều này trong giới Phật tử chúng ta, trừ những bậc cao minh, ngoài ra ít ai biết đến.

Kinh cũng dạy rõ những nguyên nhân nào làm cho chúng sanh phải chịu thân nữ, huỳnh môn, hai hình, sanh thời không có Phật pháp, hoặc sanh vào những nơi hoang dã, biên cương v.v... Thật là những điều chúng ta khó gặp, khó hiểu.

Nhân thấy bộ kinh có một giá trị và lớn lao như vậy chúng tôi gắng công dịch ra Việt ngữ để cống hiến cho thời đại hiện nay và đóng góp phần nhỏ mọn trong chủ trương Việt dịch Tam Tạng Thánh điển của Phật giáo Việt Nam.

Lại vì, một bộ kinh có giá trị về mặt văn chương tư tưởng, còn bao gồm nhiều từ ngữ thuật ngữ phong phú về Hán tự, có thể giúp ích cho những vị đang học Hán văn hiện nay, chúng tôi trình bày cả phần Hán tự và phần âm Việt ngữ, để tiện lợi cho sự đọc tụng của những vị ưa thích.

Mặc dầu cố gắng nhiều, nhưng việc làm và sự suy luận của chúng tôi vẫn là nông cạn và nhiều sai sót, nhưng hiểu được thế nào, chúng tôi ghi lại thế ấy, rất mong những bậc cao minh chỉ giáo cho.

Người dịch kính ghi,

Mùa Vu Lan năm Quý Dậu 1993

Tỳ kheo Thích Thiện Thông.

KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

Triều Vua ĐẠI ĐƯỜNG: Nước VU ĐIỀN

Hán dịch: Tam Tạng Sa Môn: ĐỀ VÂN BÁT NHÃ vâng chiếu dịch.

Việt dịch: Tỳ kheo THÍCH THIỆN THÔNG dịch ra Việt văn.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở tại cõi trời Đao Lợi, dưới cây Ba Lợi Chất Đa La^[1], cùng với vô lượng đại Tỳ kheo chúng, vô lượng vị đại Bồ Tát câu hội, Ngài Đại Bồ Tát Di Lặc là bậc đứng đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trên trời ấy an cư ba tháng thuyết pháp cho mẹ, nhiều sự lợi ích đối với chư Thiên, vô lượng chư Thiên lia khổ, giải thoát. Vô lượng chư Thiên thấm nhuần giáo pháp, được quả phước lớn. Khi đó, trong số chư Thiên, có một Thiên tử thọ số sắp hết, năm tướng suy hiện[2]. Nhờ sức nghe pháp, sau khi mệnh chung, sanh lại cõi trời này, lia hẳn nẻo ác.

Lúc ấy, trong Diêm Phù Đề không có Đức Phật. Ví như đêm tối, đầy những vì sao nhưng không mặt trăng, như nước không vua, như nhà không chủ, thì những cuộc vui, những trò giải trí đình chỉ tất cả. Khi đó chúng sanh dường như côi cút không chỗ nương tựa. Đối với Đức Phật, tấm lòng mọi người mang nỗi luyến mộ sanh rất buồn rầu như mất cha mẹ, như tên bắn vào tim, cùng nhau đến chỗ Đức Phật từng ở chỉ thấy vườn rừng, sân hiên vắng ngắt, đâu cũng trống trải không có Đức Phật, mọi người càng thêm buồn nhớ không nguôi.

Bấy giờ, vua Ưu Đà Diên đang ở trong cung thường mang nỗi buồn, luôn luôn xúc cảm, khát ngưỡng Đức Phật, vua chẳng màng đến chánh cung, thế nữ và các cuộc vui, vua nghĩ như vậy: “Nay ta lo buồn không lâu sẽ chết! Làm sao cho ta lúc chưa bỏ mạng, được thấy Đức Phật?” Rồi vua lại nghĩ: “Ví như người nào lòng thương yêu ai nhưng không được gặp, nếu thấy chỗ nơi người ấy đã ở, hoặc thấy kẻ nào giống hệt người ấy, may ra trừ bớt những nỗi u buồn.” Vua nghĩ ngợi thêm: “Nay ta nêu đến nơi Phật đã ở trước đây[3] mà không thấy Phật, chắc ta thương khóc, cảm xúc đến độ có thể chết mất! Ta xem trong đời không có người nào mà về sắc tướng, phước đức trí tuệ có thể ngang bằng với Đức Như Lai, làm sao cho ta gặp người như thế để ta bớt sầu?”

Khởi niệm ấy rồi, vua lại ngẫm nghĩ: “Nay ta hãy nêu tạo hình tượng Phật, lễ lạy cúng dường.” Nhưng vua lại xét: “Nếu ta tạo tượng mà không giống Phật, e khiến cho ta mắc vô lượng tội.” Rồi vua nghĩ thêm: “Giả sử những người thông minh trong đời[4] đều cùng đề cao công đức của Phật vẫn chẳng thể hết. Nếu một người nào tùy phần khen ngợi, người ấy vẫn được phước đức vô lượng. Nay ta cũng vậy, nên tùy phần mình mà tạo ra tượng.”

Nhà vua lập tức truyền lệnh cho những người thợ khéo trong nước đều phải nhóm lại. Mọi người nhóm rồi, vua bảo họ rằng:

- Người nào có thể vì ta mà tạo hình tượng Đức Phật, ta sẽ đem những châu báu trả công và thưởng người ấy.

Những tay thợ giỏi cùng tâu vua rằng:

- Nay vua ra lệnh, thật là việc khó. Tượng tốt nhiệm màu của Đức Như Lai, trên thế gian này không ai sánh nổi. Nay đây chúng tôi làm sao có thể tạo hình tượng Phật? Giả sử Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma[5] mà có tạo tượng, cũng chẳng thể nào giống Đức Như Lai. Nếu như chúng tôi nhận lời đức vua tạo hình tượng Phật, may ra có thể mô phỏng ít phần về tướng xoắn tóc và bạch hào, ngoài ra những tướng tốt đẹp sáng rõ, đầy vẻ oai đức, người nào có thể tạo nổi? Đức Phật rồi đây, sẽ từ cõi trời trở xuống nhân gian, hình tượng tạo ra nếu có sai lầm, tiếng tăm chúng tôi sẽ bị lui mất, chúng tôi trộm nghĩ không thể dám làm.

Vua Ưu Đà Diên khi đó nói lại:

- Tâm ta đã quyết, chớ có chối từ! Như kẻ sợ khát muốn uống nước sống, há vì uống chẳng thể hết, rồi không uống nước hay sao?

Những người thợ khéo nghe vua nói vậy, đều quỳ trước mặt, bạch lên vua rằng:

- Xin y theo lệnh, nhưng thỉnh đức vua cho phép chúng tôi nghỉ ngơi đêm nay, sáng mai đến làm.

Họ lại bạch thêm:

- Nay vua tạo tượng, nên dùng thuần gỗ Chiên đàn[6], sớ thịt nó mịn, thể chất rất bền, còn hình tượng Phật là ngôi hay đứng, cao thấp thế nào?

Vua đem lời ấy hỏi lại các quan. Có một vị quan thông thạo hiểu biết, ra bạch vua rằng:

- Vua nên tạo tượng Đức Như Lai ngôi. Tại sao vậy? Bởi vì, tất cả chư Phật chứng đại Bồ Đề, chuyển bánh xe Pháp, hiện thân thông lớn, hàng phục ngoại đạo, làm Phật sự lớn... Tất cả đều ngôi. Do đó nên làm hình tượng Đức Phật ngôi kiết già phu[7] trên tòa sư tử.

Ngay trong khi đó, vị trời Tỳ Thủ Yết Ma, từ xa nhìn thấy việc này, xét biết ý vua muốn tạo tượng Phật liền trong đêm ấy suy nghĩ như vậy: “Chỗ hiểu của thân ta rất là khéo lạ, trong cả thế gian không ai như ta, nếu ta vì vua tạo tượng, chắc hơi giống Phật[8].” Liền biến thân mình thành người thợ mộc cầm dụng cụ bện. Trời vừa hừng sáng, người đến đứng cạnh cửa cung nhà vua, bảo người giữ cửa bạch rõ vua rằng: “Nay tôi muốn vì vua mà tạo tượng, nghề khéo của tôi không ai sánh bằng, cúi xin nhà vua chớ sai người khác.”

Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng, ra lệnh mời vào, vua xem dạng cử chỉ, biết là thợ giỏi, bèn nghĩ thầm rằng: “Thế gian làm sao mà có người này? Phải chăng Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma hay đệ tử Ngài đến nơi đây chăng?” Liền đó nhà vua bèn cởi chuỗi ngọc đang đeo trên mình, tự tay cầm chuỗi, choàng lên cổ thần Tỳ Thủ Yết Ma, vua còn hứa đem các món châu báu tưởng thưởng công lao.

Lập tức nhà vua cùng quan giữ kho, đi vào trong kho soạn lựa gỗ thơm, vai tự khiêng vác[9], đem giao thợ trời và bảo thợ rằng:

- Lành thay, thưa Ngài! Hãy dùng gỗ này, vì tôi tạo tượng, sao cho giống với hình tượng Đức Phật.

Khi ấy, thợ trời liền thưa với vua:

- Nghề khéo của tôi tuy rằng đệ nhất. Nhưng về việc tạo hình tượng Đức Phật, trọn chẳng thể hết.

Ví như có người, lấy than mà vẽ mặt trời, nói rằng vẽ giống thì thật phi lý. Dầu lấy vàng ròng để tạo tượng Phật, lại cũng như thế.

Có những ngoại đạo thường tuyên bố rằng: “Phạm Vương có thể sáng tạo thế gian[10],” nhưng cũng chẳng thể tạo hết tướng tốt nơi hình Đức Phật. Chỉ nghề của tôi trên hết trong đời, bởi vậy nay tôi vì vua mà làm. Sáng nay là ngày mùng tám trong tháng, đang lúc có sao Phất Sa và sao Tỳ Ha Đề xuất hiện. Khi Phật mới sanh, cũng có hiện ra điềm cảm ứng này. Hôm nay tốt lành, hãy nên khởi công.”

Thần Tỳ Thủ Yết Ma phát lời đó rồi, cầm búa đẽo gỗ, tiếng đẽo suốt lên đến trời Đao Lợi tới chỗ Đức Phật. Do thần lực Phật, tiếng vang đến đâu, những chúng sanh nào được nghe tiếng đục, tội cấu, phiền não đều được tiêu trừ.

Bấy giờ, Đức Như Lai bèn mỉm miệng cười nhiều cách khen ngợi công đức của vua, cho đến ở xa thợ ký cho vua Thánh Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, Thiên chủ cõi trời Đao Lợi bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nay tại thế gian, và có người nào, từng ở kiếp xưa tạo tượng Phật chăng?

Đức Phật bảo Ngài Thiên chủ Đê Thích:

- Những ai đã từng tạo tượng Đức Phật, đều thuộc quá khứ, trước đây đã được giải thoát cả rồi. Tại thiên chúng đây còn không có ai (bị ở sót lại), hướng gì nơi khác. Chỉ người con của ông Tỳ Sa Môn ở về phương Bắc, tên là Na Lý Sa Bà, thuở xưa có lần tạo tượng Bồ Tát do phước này nên sau được làm vua, tên là Tần Bà Sa La. Lại do gặp ta, nay được sanh Thiên có thể lực lớn, lìa hẳn ác đạo.

Tỳ kheo Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp[11] cả ba vị này kiếp xưa từng sửa nhà cũ của Phật, do nhân duyên đó vĩnh viễn giải thoát. Ông Kiều Phạm Ba Đề xưa là thân trâu, nhọn tìm cỏ nước đi quanh Tịnh xá, ăn cỏ trong những bụi tre, do thấy tôn dung của Phật phát tâm vui mừng, nhờ phước đó mà nay được giải thoát. Ông Thi Tỳ La từng cầm lọng báu cúng dường tượng Phật. Ông Nậu Lô Đà thấp một ngọn đèn cũng để cúng dường. Ông Du Bệ Ma từng quét nhà Phật. Ông A Bà Ma Na ở trước tượng Phật thắp đèn giúp sáng, Tỳ kheo Nan Đà mền trọng tôn nghi, nên dùng nước thơm gội rửa v.v... có vô lượng vị La Hán như vậy, tất cả đều từng ở chỗ tượng Phật dâng lễ vật mọn cúng dường. Cho đến thấp nhất như ông Na Già Ba La, ở trước tòa tượng, dùng chùng chút ít son vàng vẽ thân một tượng để vì cúng dường... Do phước này nên đều lìa hẳn khổ và được giải thoát.

Đức Phật bảo tiếp:

- Nay Thiên Đế Thích! Nếu có người nào, có thể ở thời giáo pháp của ta chưa diệt trở lại[12], mà tạo tượng Phật, sẽ ở nơi hội đầu tiên của Phật Di Lạc, đều được giải thoát.

Nếu chúng sanh nào, chẳng phải vì tự thân của mình, để cầu xuất ly vì muốn chứng quả Vô thượng Bồ Đề mà tạo tượng Phật, nên biết đó là cái nhân chính của ba mươi hai tướng, có thể làm cho kẻ ấy nhanh chóng thành Phật. Bấy giờ, vua Ưu Đà Diên, tự tâm suy nghĩ: “Làm sao khiến cho pho tượng ta tạo mau được hoàn thành.” Nghĩ như thế rồi nói với thợ trời:

- Ngài khá gắng lòng giúp cho công việc mau được hoàn tất, cho tôi sớm được chiêm ngưỡng, lễ lạy.

Lúc đó, vị trời Tỳ Thủ Yết Ma trở hết tài khéo, chuyên ròng chẳng trễ, không đầy một ngày mà tạo thành tượng! Tượng ngồi kiết già, cao bảy thước mộc, mặt và tay chân đều màu vàng tía.

Vua Ưu Đà Diên thấy tượng được thành, tướng tốt trang nghiêm, tâm vua phát sanh đức tin thanh tịnh chứng Nhu thuận nhẫn[13]. Chứng được nhẫn rồi vua càng mừng rỡ, bao nhiêu nghiệp chướng và những lo buồn đều tiêu tan hết như mặt trời

mọc sa mù đều hết, chỉ trừ một nghiệp mà hiện thân chịu[14], là bởi đã từng đối với Thánh như khởi lời nói ác. Nhà vua khi ấy đem toàn những món ngọc quý, vật lạ ban thưởng thợ trời nhưng vị thợ trời thua với nhà vua:

- Nay vua tạo tượng lòng tôi tùy hỷ, nguyện cùng nhà vua đồng tu phước này. Nay vua ban cho, tôi không dám nhận. Nếu cần cho nhau, xin hãy đợi đến một ngày lành khác. Vị thần nói xong liền trong đêm ấy trở lên cõi trời.

Ngay khi sau đó, các vua nước lớn, như vua A Xà Thế v.v[15]... Trước đó các vua đối với Đức Phật, đều mang một niềm khao khát ngưỡng mộ, nghe vua Ưu Đà Diên tạo tượng công phu đã thành, họ đều mừng rỡ, cùng nhau đến chỗ vua Ưu Đà Diên, vua nào cũng đem rất nhiều hoa, hương, âm nhạc cúng dường tượng Phật, lại đem các món ngọc quý trao tặng vua Ưu Đà Diên. Các vua đều nói: “Việc làm của Ngài thật là hiếm có, hay nhờ được mũi tên độc buồn rầu cho cả chúng tôi.”

Đang trong khi ấy trên trời Đạo Lợi, Đức Như Lai đã vì mẹ của Ngài diễn nói kinh pháp[16], và hàng chư Thiên đều được lợi mừng. Những việc đáng làm Phật đã làm xong. Đức Phật lại bảo các Thiên chúng rằng:

- Hỡi các Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn là thân Thường trụ. Nếu các chúng sanh, người nào đáng độ, chư Phật liền vì hiện ra giáo hóa, nói pháp cho nghe. Nếu những làm đã xong xuôi rồi, không còn người nào có thể thọ pháp giáo hóa, Như Lai khi đó liền chẳng hiện nữa. Kẻ không trí tuệ cho rằng Đức Phật diệt độ thật sự. Thân chư Như Lai chính là pháp thân, là thân thường hằng, thật chẳng diệt độ.

- Nay chư Thiên tử! Pháp của chư Phật đều như vậy cả, vì giáo hóa chúng sanh mà có xuất hiện, hoặc không xuất hiện.

Kế đó Đức Phật lại dạy, nói tiếp:

- Các người nên biết! Hàng chư Thiên đây, những người đáng độ ta đã độ rồi. Nay ta sắp xuống cõi Diêm Phù Đề, chư Thiên các người nếu nghĩ đến ta hãy siêng tinh tấn, chớ có buông lung.

Vì sao thế? – Cũng vì tội lỗi của sự buông lung, làm cho các người chẳng được Thánh đạo Vô thượng Bồ đề. Song bởi các người về thuở xa xưa từng trồng căn lành, nay được ở đây hưởng lạc phú Trừ[17], để rồi buông lung, say đắm thú vui, chẳng tu phước hạnh. Những khoái lạc này theo sự vô thường, một phen rơi rụng, là trôi nổi mãi trong cơn đau khổ.

- Lại nữa chư Thiên! Các người phiền não rất nặng[18], thấy ai hơn mình bèn sanh ganh tỵ, chẳng từng nghĩ rằng: Trời nào vui hơn là do tạo nhiều phước nghiệp chiêu cảm, nếu ta siêng tu thì cũng sẽ được. Nay đây các người thân sắc sáng nhuận, như mặt trời mọc vào buổi bình minh, nếu hay ôm lòng ganh ghét đố kỵ, thì sẽ đen tối như tro than tàn, còn sẽ phải đọa vào ngục tối thăm, đến đổi chẳng thể tự thấy bàn tay, sau còn phải làm quỷ ăn đồ nữa!

- Lại nữa chư Thiên! Hưởng những phước báo được thân nghiêm sạch, oai thế dũng mãnh, do ganh tỵ nên chịu thân nữ, mất hẳn sức lực oai hùng dũng mãnh của bực trượng phu.

- Hỡi các Thiên tử! Ta nhớ thuở xưa có vô lượng vua, vì lòng ganh tỵ của chính các người, mà phải bị hại một cách phi lý.

Này các Thiên tử! Xưa có vua A Tu La[19] tên là Ô La, tu hành khổ hạnh, giới phẩm trong sạch, chư Thiên các người sai một Thiên nữ tên Ô Bà Thi mê hoặc tâm vua, khiến mất phẩm hạnh. Vua ấy đắm nhiễm, cho nên oai đức tổn giảm, bị trời Na La Diên giết hại, và cả vô lượng chúng A Tu La cùng lúc bại diệt. Trời Na La Diên giết vua này rồi, lại tru diệt luôn binh chúng Tu La, thân hồi Thiên nữ Ô Bà Thi trở về Thiên cung.

- Lại có một vua tên Na Ha Thọ, chư Thiên các người dùng lời gạt gẫm, giúp các Thiên chúng đánh A Tu La, phá A Tu La rồi chư Thiên các người trở hại ông ta!

- Lại nữa chư Thiên! Các người vì có Xá Chi phu nhon[20] sanh tâm ghen ghét, Xá Chi xúi giục vua gây hấn, khiến cho Tiên nhon tên A Già Bà vô có bị ngờ mà nổi lời nguyên độc địa.

- Lại nữa chư Thiên các người từng làm dối gạt, bảo vua Ế Trà rằng: “Chỗ của người Tiên có nhiều vàng ròng,” vua tin lời này ép Tiên đưa ra, người Tiên do đây lòng sanh căm giận, liền đó lửa mạnh đốt cháy vua Tiên.

- Xưa lại có vua tên là Đề Bà, thường bày đại hội để được cúng dường, do phước nghiệp này oai lực tự tại, bèn lên trời đây hưởng lạc thú trời, chư Thiên các người ôm lòng ganh tỵ, khiến cho Đề Bà từ trời Đao Lợi rớt xuống trần gian, bao nhiêu oai thế thấy đều tan nát, như trăng hết sáng, như sông cạn nước.

- Này các Thiên tử! Trong đời lắm người oai đức tự tại. Hoặc được thần thông, có người thành tựu bốn sức Thần túc[21]... nếu khởi lên một niệm tâm ganh tỵ, công đức như thế lui mất một lúc, như Đề Bà Đạt Đa chẳng hạn, si mê dày đặc mới đối với ta mà sanh lòng ganh, lập tức mất năm thứ thần thông.

Lúc ấy, Thiên Đế bạch lên Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nay con có nghi muốn được thừa hỏi: Về sự ganh tỵ là như thế nào?

Thiên Đế hỏi tiếp:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh thấy người hơn mình bèn nghĩ như vậy: “Làm sao cho ta thu hoạch những gì người kia đã được,” tâm ấy có phải là ganh tỵ chăng?

Phật đáp:

- Không phải! Đó là tâm tham, không phải ganh tỵ[22].

- Nay Thiên Đế Thích! Ganh tỵ nghĩa là tự cầu danh lợi chẳng muốn người có, cái người khác có mà sanh ghét giận, ấy là ganh tỵ.

Bấy giờ, các hàng Thiên chúng, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, gối mặt chầm đất, chấp tay hướng Phật và bạch lời rằng:

- Như lời Phật dạy, chư Thiên chúng con đều sẽ vâng làm. Lạy Đức Như Lai tôn kính của đời, là Cha, là Chúa, là đáng tối tôn, là đáng Tối thắng. Đối với chúng con, khởi đại Từ Bi mà đến nơi đây khiến các Thiên chúng đều được lợi ích. Sở nguyện chúng con vẫn chưa được mãn, muốn một lần nữa thỉnh Phật một điều:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Người dưới thế gian đối với chư Thiên chúng con, họ hay khinh lờn. Vì sao! Bởi các Đức Phật sanh trong loài người[23], và ở cõi người thành bậc Chánh giác. Giữa loài người có những A La Hán đã được chứng quả. Các vị Độc Giác có oai đức lớn, lại cũng xuất hiện giữa lòng nhân loại.

Nay Đức Như Lai nếu chẳng ở đây đi xuống cõi Diêm Phù Đề, thì người thế gian đều sẽ cho rằng: Chư Thiên chúng con chẳng biết Như Lai có oai đức lớn, đáng nhận chư Thiên cúng pháp cúng dường, và còn cho rằng: “Chúng con chẳng hay cúng dường các đức Như Lai tôn quý của đời. Mong Đức Như Lai nán lại một chút, nhận phần cúng dường nhỏ mọn của chúng con, để người thế gian biết hàng chư Thiên cúng dường Đức Phật.”

Khi ấy Đức Phật im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Phật bảo tôn giả Đại Mục Kiền Liên:

- Người khá về trước dưới Diêm Phù Đề, thăm hỏi bốn chúng, nói lời như sau: “Tất cả những ai nhớ nghĩ đến ta, đều nên nhóm hội tại nước Tăng Già Thi, trong bảy ngày nữa sẽ được thấy ta.”

Ngài Mục Kiền Liên lạy dưới chân Phật, lạy chân Phật rồi, trong khoảng chớp mắt đã đến cõi Diêm Phù Đề[24], đem lời Phật dạy nói với bốn chúng. Vua Ưu Đà Diên cùng cả mọi người nghe Phật báo tin, thân tâm người nào cũng mừng khắp khởi, đều trừ nỗi buồn, đều được thoải mái.

Lúc ấy bốn chúng, các vị Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni, các Cận sự nam và Cận sự nữ, muốn cùng qua đến nước Tăng Già Thi, trước hết họ nhóm tại thành Vương xá[25], bàn với nhau rằng:

- Đức Phật Như Lai tôn trọng của đời, sắp sửa trở xuống cõi Diêm Phù Đề, người nào có thể cung kính lễ lạy Đức Phật trước nhất, người ấy sẽ làm thượng thủ, trong khoảng thời gian pháp chưa diệt tận.

Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên nghe lời đó rồi trong lòng chẳng vui, e cho bên Ni được làm thượng thủ. Vì sao thế? Trong toàn Ni chúng có Ưu Ba Ban Đà và Liên Hoa Sắc. Hai Tỳ kheo Ni này có thể thông suốt Tạng pháp chư Phật, thần thông chúng được, chỉ trừ Tôn giả Đại Mục Kiền Liên ngoài ra không ai bằng hai bà. Nghĩ như thế rồi, ngài Ca Chiên Diên đủ cách quở rầy chúng Tỳ kheo Ni.

Lúc đó, Tỳ kheo Liên Hoa Sắc, bảo Ni chúng rằng:

- Người nữ chúng ta ở giữa thế tục thường được tôn quý, dầu cho dòng dõi có hèn chẳng nữa, vẫn được đàn ông cung kính nể vì, cung phụng đủ thứ. Và lại chư Ni trong pháp của Phật, cha mẹ quyến thuộc, phần nhiều thuộc về dòng dõi vua quan. Ni giới chúng ta tinh tấn, trì giới, chẳng phạm oai nghi, đủ các đức nghiệp, vậy mà vẫn phải lễ kính Tỳ kheo mới thọ đại giới. Tôn giả Ca Chiên Diên nay lại nhiều điều quở trách thế này... Ta vì chư Ni bày các phương tiện, khiến Tỳ kheo Ni xuất sắc hơn Ngài. Nói như thế rồi cùng với bốn chúng[26], đồng đến dự nơi thành Tăng Già Thi.

Bấy giờ, vua Ba Tư Nặc, vua A Xà Thế và vua Nghiêm Xí nước Tỳ Xá Ly... Mỗi vua đều dẫn bốn đội binh hùng[27] hộ tống theo vua, có thể lực lớn. Voi ngựa được cỡi đều dùng các thứ vật quý tô điểm. Cờ xí, phan lọng, hương hoa, kỹ nhạc, oai dung nghiêm nghị, tướng trạng dường như các vị Thiên thần, họ đều qua đến thành Tăng Già Thi.

Vua Ưu Đà Diên lúc đó nghiêm chỉnh, đội ngũ bốn binh làm kẻ thị tùng. Vua cỡi voi trắng, có châu ngọc thêu thùa, đích thân vua chở tượng Phật đã tạo. Rải hoa, cầm phướng, nhạc công thổi nhạc đi theo cúng dường, từ nước của vua hướng về thành Tăng Già Thi.

Khi ấy, Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma, cùng chư Thiên chúng, biết Phật sắp sửa xuống Diêm Phù Đề, bèn tạo ra ba con đường có thềm cấp quý, từ thành Tăng Già Thi đến trời Đao Lợi, thềm cấp đường giữa tạo bằng lưu ly, thềm đường hai bên đều bằng hoàng kim, chỗ đặt chân xuống lót bằng bạc trắng, xen kẽ với bảy thứ ngọc cõi trời.

Thiên chủ Đế Thích sai các Thiên sứ đến Trời Dạ Ma, trời Đâu Suất Đà, đến trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại và trời Phạm Thế[28], để báo tin rằng: “Đức Phật sắp xuống cõi Diêm Phù Đề, như muốn cúng dường xin xuống nơi đây.” Lại sai sứ xuống trời Tứ Thiên Vương, Long Vương biển lớn, vua Càn Thất Bà, vua Khẩn Na La, và chúng Dạ Xoa, báo với họ rằng: “Nay Đức Thế Tôn sắp xuống cõi Diêm Phù Đề, các vị có thể đem những cúng phẩm đến đây cúng dường.”

Lúc đó, các Trời, Rồng, Thần v.v... nghe lời báo rồi, ai cũng vân tập về trời Đao Lợi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại đỉnh núi Tu Di, cùng với đông đảo chư Thiên các trời[29] lúc sắp đi xuống, toàn thể chư Thiên trước sau rợp trời, oai đức lừng lẫy, ánh sáng rạng ngời như ánh trăng tròn ở giữa không gian, muôn sao giăng bủa, như vùng thái dương vừa mới xuất hiện, rực rỡ chói chang. Phật và hội chúng trạng thái lúc ấy cũng ví như vậy.

Ngay trong lúc đó, do thần lực Phật cho nên cõi Diêm Phù Đề có năm điều hiêm có:

Một là, khiến chư Thiên kia chẳng thấy những vật không sạch ở chốn nhân gian.

Hai là, khiến cho nữ giới thấy các Thiên nam mà không tưởng đến đắm nhiễm tình dục.

Ba là, khiến những người nam thấy các Thiên nữ chẳng sanh ý nhiễm.

Bốn là, khiến người trần gian từ xa nhìn rõ những món cúng dường của các Thiên chúng.

Năm là, thân của chư Thiên sáng sạch, đẹp đẽ, chẳng bị người đời nhìn thấy, do thần lực Phật, cho nên con người có thể nhìn thấy một cách rõ ràng.

Khi đó Đức Phật từ trên Thiên cung vừa đặt chân xuống thêm sáu đường giữa, thì trời Phạm Vương đứng phía bên phải, tay cầm lọng trắng và trời Đế Thích phía bên trái, tay cầm phát trắng. Ngoài ra chư Thiên đều nương hư không, theo Phật đi xuống, cùng lúc đồng thổi đủ thứ âm nhạc. Chư Thiên cầm những tràng phan, bảo cái, rải hoa cúng dường. Các vị Thiên chúng cõi trời Tịnh Cư chật cả hư không, vô lượng trăm ngàn chư Thiên, thể nữ đeo những chuỗi ngọc cùng nhau ca tụng Thánh đức của Phật. Lại có chư Thiên ở giữa hư không, rắc những thứ hương và những hoa thơm. Các vị Long thần tuôn mưa thơm nhẹ. Lúc đó không gian chẳng có mây che, tiếng sấm êm dịu làm cho người nghe tâm hồn vui đẹp. Thần Càn Thát Bà, thần Khẩn Na La, hòa tấu khúc nhạc Đề Bà Na Già vô cùng tuyệt diệu, ca ngợi những việc đời trước của Đức Như Lai.

Khi ấy, trong Diêm Phù Đề, vua chúa quan dân và bốn hộ chúng, đầy khắp giáp cả thành Tăng Già Thi, nào rắc hoa thơm, nào cầm phan lọng, thổi ốc, đánh trống, các thứ âm nhạc, hướng lên hư không tỏ lòng cúng dường. Đưa tay, chấp tay chiêm ngưỡng Đức Phật. Hoa thơm danh tiếng cõi trời, cõi người, trên dưới giao nhau rơi xuống lẳng xẵng lên đến đầu gối, đồ chúng ngoại đạo thấy việc trên đây, đều cùng phát tâm quy y lễ kính^[30].

Khi Đức Thế Tôn chân đạp thêm sáu, lần lượt đi xuống vừa được nửa chừng, thì bốn Thiên Vương ở chỗ của mình, sắp bày lễ phẩm cúng dường Đức Phật, sự cúng dường này vô cùng khéo lạ, ngàn xưa đến nay loài người chưa có.

Đức Thế Tôn nhận sự cúng dường của bốn vị Thiên Vương, rồi cùng đại chúng xuống hết các bậc, đến cấp chót nhất, Đức Phật sắp sửa đặt chân xuống đất, thì Tỳ kheo Ni Liên Hoa Sắc liền biến thân mình làm Chuyển Luân Vương^[31], lãnh bốn binh chủng và bảy thứ báu dẫn đi tới trước, từ không trung xuống vội tới chỗ Phật. Các vị quốc vương ai cũng tự hỏi: “Vua Chuyển luân này, từ đâu đến đây?”

Lúc ấy, Tôn giả Tu Bồ Đề đang ở trong phòng thấy Phật xuống đến, liền sửa y phục với mình lễ kính, Tỳ kheo Ni Liên Hoa Sắc bỏ thân Luân Vương hoàn lại hình cũ, liền vội đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn.

Khi đó, Đức Phật đủ điều quả trách Tỳ kheo Ni ấy và bảo bà rằng:

- Người không biết à? Ông Tu Bồ Đề lễ Ta trước rồi! Người được ai bảo biến làm Luân Vương? Người được dự vào hàng ngũ xuất gia, thọ giới Cụ Túc đã quá phận rồi. Trí người nhỏ mọn, còn sự siểm trá lại không bờ bến, dù cho từ bi báo đáp ân đức, thì cũng chỉ như một giọt sương móc, há có thể nào ở trong pháp Ta làm Thượng thủ sao?

Ni Liên Hoa Sắc nghe Phật răn dạy, rất sanh xấu hổ, liền bạch Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nay con tự biết tội lỗi không ít. Từ nay về sau, con không dám biến hiện thân thông nữa.

Bây giờ trong Diêm Phù Đề, các vị quốc vương các vị quan quyền và bốn hộ chúng, đều đem các món cúng phẩm mang theo, dâng cúng Đức Phật.

Vua Ưu Đà Diên đầu đội tượng Phật[32] và những vật cúng quý lạ bậc nhất đến chỗ Như Lai và dâng hiến lên. Thân Phật tướng tốt đầy vẻ đoan nghiêm thù đặc sáng ngời ở giữa chư Thiên, ví như trăng tròn ra khỏi mây che. Tượng Phật chạm khắc, so với Đức Phật, không khác gò nông sánh núi Tu Di chẳng thể nào dụ, chỉ có xoắn tóc và tướng ngọc hào giống Phật một ít, để khiến bốn chúng biết là TƯỢNG PHẬT.

Vua Ưu Đà Diên bạch Đức Phật rằng:

- Kính lạy Thế Tôn! Đức Như Lai thuở xưa ở trong sanh tử cầu đạo Bồ Đề, thực hành vô lượng vô biên hạnh khổ khó làm khó nhẫn[33], kết quả được thân nhiệm màu hơn hết, không ai sánh bằng. Pho tượng con tạo chẳng giống Đức Phật, con tự trộm nghĩ rất là tội lỗi.

Đức Thế Tôn bảo vua Ưu Đà Diên:

- Chẳng bị tội lỗi! Nay ông đã làm lợi ích vô lượng, không có người nào sánh bằng với ông. Nay ông ở trong giáo pháp của ta, làm người gương mẫu đầu tiên. Bởi nhân duyên này, làm cho vô lượng chúng sanh đời sau, được sanh đức tin rất là sâu sắc. Ông nay đã được vô lượng phước đức, căn lành rộng lớn.

Khi đó vua trời Đế Thích lại bảo vua Ưu Đà Diên:

- Nay vua ở đây chớ có lo sợ. Khi Đức Như Lai trước ở cõi trời và nhơn gian này, đều khen ngợi về công đức tạo tượng của vua, còn chư Thiên chúng thì rất tùy hỷ. Người có tín tâm trong đời sau này, đều nhờ nơi vua mà tạo tượng Phật để được hưởng phước, nay vua hãy nên vui vẻ tự mừng.

(HẾT QUYỂN THƯỢNG) [34]

[\[^\]](#)

KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

Triều Vua ĐẠI ĐƯỜNG: Nước VU ĐIỀN
Hán dịch: Tam Tạng Sa Môn: ĐỀ VÂN BÁT NHÃ vãng chiếu dịch.
Việt dịch: Tỳ kheo THÍCH THIÊN THÔNG dịch ra Việt văn.

QUYỀN HẠ

Bấy giờ, Đức Phật ngồi tòa Sư Tử[35] tại nơi đạo tràng nước Tăng Già Thi. Tâm của bốn chúng người nào cũng nghĩ: “Chúng ta mong được nghe Đức Như Lai diễn nói công đức của sự tạo tượng. Nếu chúng sanh nào làm kẻ ấy được phước cỡ nào?”

Lúc đó, Ngài đại Bồ Tát Di Lặc biết ý nghĩ ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo, hơ vai bên mặt, quỳ thẳng chấp tay bạch lên Đức Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Vua Ưu Đà Diên tạo hình tượng Phật, nếu Phật ở đời hoặc Niết Bàn rồi, người có lòng tin, có thể tùy phần tạo hình tượng Phật, người ấy gặt hái công đức thế nào? Cúi mong Thế Tôn nói rộng tướng ấy.

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Di Lặc lắng nghe và khéo nhớ lấy, sẽ vì ông nói.

- Nếu có thiện nam, người thiện nữ nào đức tin trong sạch, chuyên ròng buộc niệm về công Đức Phật, thường xét Như Lai oai đức tự tại, đầy đủ. Mười lục, Bốn Vô sở úy[36], Mười tám pháp Bất cộng, Đại từ, Đại bi, Nhứt thiết Chúng trí, ba mươi hai tướng của Đại tượng phu, Tám mươi tướng phụ. Mỗi lỗ chân lông đều có vô lượng ánh sáng khác màu, trăm ngàn ức thứ phước đức siêu thắng trang nghiêm tạo thành, vô lượng trí tuệ sáng tỏ thông suốt, vô lượng Tam muội, vô lượng thần thông... Tất cả các thứ công đức như vậy không có hạn lượng, lia các lỗi lầm, không ai sánh bằng.

Người nào xét nghĩ rồi sanh tin ưa một cách sâu sắc, y các tướng tốt mà tạo tượng Phật, công đức người ấy rộng lớn vô biên, không thể tính đếm.

- Di Lặc! Nếu có người nào dùng những tơ sợi, thêu thùa tượng Phật[37] hoặc là nấu đúc bằng thứ vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm. Hoặc điêu khắc bằng gỗ thom Chiên đàn, hoặc khắc bằng thứ trân châu, sò ốc, gấm vóc dệt thành, đất đỏ xi măng, thạch cao, đất sét, hoặc các thứ gỗ... Dùng những vật đó tùy phần sức mình tạo ra tượng Phật[38], cho đến rất nhỏ như ngón tay cái, có thể khiến cho người khác nhìn biết đó là Tôn tượng, phước báo người nay ta sẽ nói:

- Di Lặc! Những người như vậy ở trong sanh tử tuy còn trôi lăn, trọn chẳng sanh tại gia đình nghèo cùng, cũng chẳng sanh nhà dòng dõi thấp hèn, cô đơn hẻo lánh ở ven cõi nước. Lại cũng chẳng sanh vào nhà tà kiến, con buôn, con bán, nhà làm hàng thịt, cho đến chẳng sanh vào giòng hèn hạ, kỹ nữ bất tịnh, hoặc nhà ngoại đạo, khổ hạnh tà kiến, trừ khi vì sức thệ nguyện Từ Bi, ngoài ra chẳng sanh vào những nhà ấy.

Người này thường sanh nhà thuộc giòng tộc vua Chánh Chuyển Luân có thể lực lớn. Hoặc sanh giòng Bà La Môn tịnh hạnh, hoặc nhà giàu sang không tạo tội nặng. Sanh ở nơi nào cũng thường gặp Phật, vâng thờ cúng dường. Hoặc được làm vua hộ trì chánh pháp, đem pháp giáo hóa, chẳng làm trái đạo. Hoặc làm vua Thánh Chuyển Luân oai hùng, bảy báu thành tựu, đủ ngàn người con, bay đi trên không giáo hóa bốn châu, suốt một cuộc đời tự tại giàu vui. Hoặc làm Đế Thích, vua Trời Dạ Ma, vua trời Đâu Suất, vua trời Hóa Lạc, vua trời Tha Hóa Tự Tại, lạc thú Trời người, không gì chẳng hưởng. Phước báo như thế nối tiếp không dứt. Sanh ra nơi đâu cũng là đàn ông, không chịu thân nữ, lại chẳng chịu thân huỳnh môn hai hình là thứ hèn hạ. Thân được thọ sanh không bị xấu xí, mắt chẳng mù chột, tai chẳng điếc lác, mũi chẳng cong gãy, miệng chẳng méo lệch, môi chẳng trề xuống, cũng chẳng tím rút, răng chẳng thưa thiếu chẳng đen, chẳng vàng, lưỡi chẳng ngắn thụt, cổ chẳng bướng nhột, thân chẳng lưng gù, da chẳng loang lỗ, tay chẳng cụt ngắn, chân chẳng lệch què, chẳng quá ốm o, chẳng quá béo mập, cũng chẳng quá dài, cũng chẳng quá ngắn... Đều không có các tướng chẳng đáng ưa.

Thân của người ấy thẳng thớm đoan trang, mặt mày đầy đặn. Tóc màu xanh biếc mềm mại, sáng sạch. Môi đỏ như son, mắt như sen xanh, tướng lưỡi rộng dài. Răng trắng bằng khí, nói ra hay khéo, khiến người nghe ai cũng vui đẹp. Khuỷu tay vừa chùng. Bàn tay bằng phẳng, lưng vể no đầy, vai ngực nở nang, tay chân dịu dàng dường như bông vải, các tướng đầy đủ không bị khuyết giảm gân sức tất mạnh, tựa hồ như trời Na La Diên[39].

- Di Lặc! Ví như có người rớt vào hầm cầu tiêu, từ đó được ra, cạo bỏ phần uế, lấy nước rửa sạch, dùng hương thoa thân, mặc áo mới sạch... Người như thế đó so với người còn ở trong hầm tiêu, chưa được ra khỏi, vậy sự nhơ sạch và sự thơm, hỏi cách nhau bao nhiêu? Kính bạch Thế Tôn việc ấy cách xa không biết mấy lần!

- Di Lặc! Nếu có người nào còn trong sanh tử, hay phát lòng tin tạo hình tượng Phật, so sánh với lúc người ấy chưa tạo, thì sự cách xa lại cũng như vậy. Nên biết người ấy đời đời sanh ra trừ sạch nghiệp chướng, các thứ kỹ thuật, không thấy mà hiểu. Tuy sanh làm người mà các giác quan được coi như cõi trời. Nếu sanh lên trời, thì trôi vượt hơn rất nhiều Thiên chúng. Sanh ra nơi nào cũng không tạt

nguyên, không bị phung hủi, không bị ung thư, không bị dựa nhập bởi các quỷ mị. Không mắc những bệnh điên cuồng khô héo, vàng da sốt rét, sạn hòn, ghẻ dữ, theo sâu, thô tả vô độ, ăn uống không tiêu, cựa mình nhúc nhối, tê liệt nửa người... Những bệnh như vậy bốn trăm bốn chúng thầy đều không có[40].

Lại cũng chẳng bị các thứ thuốc độc, binh khí gây gộc, cọp sói, sư tử, nước, lửa, trộm, cướp... những duyên xảy ra bất ngờ như vậy không làm tổn hại. Thường được không sợ, chẳng phạm các tội.

- Di Lặc! Nếu có chúng sanh trước tạo nghiệp ác, phải chịu đủ thứ các sự khổ não, như bị kềm kẹp, còng khóa, gông xiềng, đánh mắng, đốt châm, xẻ da nhổ tóc, treo ngược lên cao, cho đến hoặc bị mổ xẻ lòng đốt... Nếu phát lòng tin tạo hình tượng Phật, thì khổ báo ấy thầy đều chẳng thọ. Chẳng sanh những chỗ giặc giã quấy nhiễu, thành ấy sụp đổ, sao dữ biến quái, đói kém ôn dịch... Những chỗ như thế đều chẳng sanh đến, nếu nói có sanh, đó là vọng ngữ.

Lúc ấy, Ngài Đại Bồ Tát Di Lặc bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói “Nghiệp lành, nghiệp dữ đều chẳng mất mát.[41]” Nếu có chúng sanh gây tạo nghiệp nặng, phải sanh vào nhà giòng họ hèn mọn, nghèo nàn tật nguyên, mạng sống ngắn ngủi. Sau phát lòng tin tạo hình tượng Phật, các tội báo này là còn phải chịu hay là chẳng chịu?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Ông nay nghe kỹ, sẽ vì ông nói. Nếu chúng sanh nào gây các tội rồi, phát tâm tạo tượng cầu xin sám hối, quyết định tự dứt, thì tội tạo phước đều được tiêu diệt. Nay ta vì ông nêu rộng việc này.

- Di Lặc! Ví như có người đời trước sên lặn, do duyên có đó chịu khổ nghèo nàn, không có của cải, thiếu thốn vật dùng, bỗng gặp Tỳ kheo trước đó nhập định, từ định vừa xuất, người kia liền đem món ăn thức uống dâng lên cúng thí, người ấy thì rời khỏi khổ nghèo nàn, phạm có câu gì, đều như ý muốn. Di Lặc! Nghiệp ác đời trước và chỗ mắc báo của người nghèo kia nay có còn chăng?

Ngài Di Lặc thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Nhờ cúng thức ăn mà nghiệp ác cũ thầy đều diệt hết, lìa hẳn nghèo nàn và được giàu có, của cải sung túc.

Đức Phật dạy rằng:

- Bồ Tát Di Lặc! Đúng như ông nói, nên biết, người kia lại cũng như vậy. Nhờ tạo tượng nên những nghiệp ác cũ hết hẳn không còn, chỗ đáng chịu báo đều chẳng chịu nữa.

- Di Lặc! Nghiệp có ba thứ[42]. Một là, hiện đời chịu báo. Hai là, đời sau chịu báo. Ba là, nhiều đời về sau mới chịu quả báo... Trong ba loại nghiệp như vừa nêu trên, mỗi nghiệp đều có Định và Bất định. Người có lòng tin tạo hình tượng Phật, chỉ có định nghiệp là trong hiện đời chịu lãnh ít phần, ngoài ra chẳng chịu những thứ nghiệp khác.

Khi ấy, Bồ Tát Di Lặc bạch rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói: Có năm thứ nghiệp rất là sâu nặng, quyết định đọa tại địa ngục vô gián[43]. Đó là các tội: giết cha, hại mẹ, giết A La Hán, ác tâm làm cho thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng. Nếu có chúng sanh trước tạo tội này, sau sanh lòng tin đối với Đức Phật và tạo hình tượng, người này có còn đọa tại địa ngục hay chẳng bị đọa?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Nay ta vì ông nói một thí dụ nữa: Giả như có người, tay cầm cung mạnh ở giữa rừng cây, nhằm lên phía trên bắn những lá cây, mũi tên đi suốt không bị trở ngại. Nếu có chúng sanh gây tội nghịch kia, sau tạo tượng Phật, thành tâm sám hối, được đức tin chưa chắc chắn lắm, người ấy tưởng mình tội được nhẹ mỏng, thì dù có đọa ngục chẳng nữa cũng liền ra khỏi, như mũi tên bắn đi suốt không ngừng, trường hợp người này lại cũng như vậy... Lại như Tỳ kheo, chúng Thần túc thông, từ bờ bên này qua bên kia biển quanh cả bốn châu không gì ngăn ngại. Người kia cũng thế, do tội phạm trước tạm đọa địa ngục, chẳng phải nghiệp trước có thể làm ngại.

Bồ Tát Di Lặc lại bạch hỏi tiếp:

- Kính bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai là thân Pháp tánh, chẳng phải là thân thuộc về sắc tướng. Nếu lấy sắc tướng làm thân Đức Phật, thì Tỳ kheo Nan Đà và Chuyển Luân Vương lẽ ra là Phật. Bởi vì đều có đủ các tướng tốt. Như có chúng sanh hoại pháp thân Phật[44], Pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, sau phát lòng tin và tạo tượng Phật, thì tội nặng này là cùng tiêu diệt, hay chẳng được diệt?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Nếu chúng sanh nào pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, chỉ dùng miệng nói mà không phá kiến, sau sanh tin ưa tạo hình tượng Phật, thì nghiệp ác trước,

chỉ nơi hiện thân bị chịu báo nhẹ, chẳng đọa đường ác, song với sống chết chưa giải thoát liền.

Bồ Tát Di Lặc lại thưa hỏi tiếp:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu có người nào, trộm lấy những vật trong bảo tháp Phật, trộm vật thường trụ, trộm vật bốn phương Tăng, vật hiện tiền Tăng, tự mình tiêu dùng, đem cho người dùng, coi như của mình. Thế Tôn thường nói: “Dùng vật lấy trộm từ trong tháp Phật hay vật của Tăng, tội ấy rất nặng.[\[45\]](#)” Vậy chúng sanh nào tạo tội ấy rồi rất tự hối trách, khởi lòng tịnh tín và tạo tượng Phật, các hạng người đó tội được diệt chăng?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Nếu chúng sanh nào từng dùng vật ấy, sau tự tỉnh xét ôm lòng then hỏi, y số thường bồi, thể chẳng phạm nữa, nay ta vì ông nói một ví dụ: Như có người nghèo trước mắc nhiều nợ, bỗng gặp của chìm vô số vàng ngọc, trả hết nợ xong vẫn còn dư lớn. Người tạo tội kia lại cũng như thế, đền vật nợ rồi lại tạo tượng Phật, sẽ khỏi nạn khổ, mãi được an vui.

Bấy giờ Ngài đại Bồ Tát Di Lặc lại bạch hỏi Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Phật từng dạy “Ở trong pháp Phật mà phạm khí tội[\[46\]](#), chẳng gọi là sống.” Nếu lại có người phạm tội đó rồi, phát tâm nhớ nghĩ công đức chư Phật và tạo hình tượng, vậy thì đối trong giáo pháp của Phật được “sống” lại chăng? Lại trong đời này, hoặc đời thứ hai, thứ ba, thứ tư được chứng Pháp chăng?

Đức Phật bảo ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Ví như có người thân bị trói cột, tay, chân và cổ, nếu được cởi trói như chim khỏi lưới, bay đi tự do, việc kia thế nào thì người nợ cũng vậy. Nếu phát lòng tin, ngẫm nghĩ về những công đức của Phật và tạo tượng Phật, thì các nghiệp chướng đều được tiêu trừ, ở trong sanh tử mau được ra khỏi, không bị trở ngại. Di Lặc nên biết, có ba Thừa pháp[\[47\]](#) là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật Đại thừa, người tạo tượng Phật tùy nơi thừa nào, khởi nguyện ưa muốn, tức nơi thừa đó, được sự giải thoát. Nếu như chỉ vì cầu thành Phật đạo, không cầu báo khác, thì dầu chướng nặng vẫn được mau diệt, tuy tại sanh tử nhưng không nạn khổ, cho đến sẽ chứng Vô thượng Bồ đề, được cõi thanh tịnh; đủ các tướng tốt, được cảm thọ mạng, lâu dài vô tận.

Bấy giờ trong hội, có những người chưa phát tâm Đại thừa, đều sanh mỗi nghi, nghĩ như thế này: “Đức Như Lai ta về thuở quá khứ có tạo tượng Phật hay là không tạo? Giá mà có tạo, sao tuổi thọ Ngài ở đây những như chớp, chẳng được thanh tịnh?”

Vua Ba Tư Nặc nương oai thần Phật^[48], liền từ chỗ ngồi, đứng dậy chấp tay quỳ thẳng bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Con thấy Đức Như Lai các căn tướng tốt cũng như giòng tộc đều là đệ nhất, lòng con quyết định không có chỗ nghi. Nhưng Đức Như Lai từng có một lần, cây Khư đà la đâm thủng chân Ngài. Lại có một lần Đê Bà Đạt Đa lăn đá văng mảnh, chân Phật chảy máu. Trước đây có lúc Ngài bảo có bệnh, cho mời Kỳ Bà điều chế thuốc tốt. Lại có một lần từng nhức sau lưng. Ngài bảo Tôn giả Ma Ha Ca Diếp tụng bảy pháp Giác phần thì chỗ đau được trừ. Lại có một lần từng bị đau nhức, sai Ngài A Nan đến nhà Bà La Môn tìm xin sữa bò. Trước đây có lần tại thôn Ta La, ba tháng an cư chỉ ăn lúa ngựa. Lại từng một lần khát thực chẳng được, bát không trở về.^[49]

- Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: “Nếu có người nào tạo hình tượng Phật, thì bao nghiệp chướng đều bị trừ diệt, lìa những khổ não, không các tật bệnh. Vậy Đức Thế Tôn trong những kiếp xưa từng có tạo tượng hay là không tạo. Nếu trong quá khứ Ngài có tạo tượng, thì nhân duyên nào, có những việc ấy?”

Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc rằng:

- Lóng nghe! Lóng nghe và khéo nhớ nghĩ, sẽ vì Đại vương phân biệt giải nói. Hồi này Đại vương Ta về kiếp xưa vì cầu Bồ đề mà đã dùng những châu ngọc quý giá, gỗ thơm Chiên đàn và việc sơn vẽ để tạo tượng Phật, nhiều hơn tất cả số chúng Trời người trong hội hiện nay. Do phước này nên dầu còn trong vòng lưu chuyển sanh tử chưa mê hoặc, nhưng được thọ thân bền như kim cương, chẳng thể tổn hư.

Lại này Đại vương! Ta nhớ quá khứ cách vô lượng kiếp, còn trong sanh tử ta tạo tượng Phật lúc đó ta còn tham, giận, si mê^[50]... Vô lượng phiền não tương ưng với tâm, nhưng ta chưa từng trong khoảng một niệm, vì tội nghiệp mà bỏn đại chẳng điều, hoặc là bị các quỷ thần dựa nhập, hay bị chút ít các chứng bệnh khổ, còn vật cần dùng thì không thứ nào mà chẳng đầy đủ, huống gì ngày nay ta đã chứng đạo Bồ đề, lại còn có việc “bất như ý” sao?

- Đại vương! Nếu ta thuở xưa từng tạo tượng Phật, nay có nghiệp tàn để chịu báo đó, ta làm sao thành bức “Vô úy thuyết” để rồi nói rằng “Tạo tượng quyết định có thể trừ hết các nghiệp xấu ác?”

- Đại vương! Ta thuở quá khứ cấp giúp vô lượng món ăn thức uống, tiền tài châu báu[51], làm sao đời nay khát thực chẳng được phải ăn mã mạch? Thoảng như ngày nay, việc đó có thật, thì ta làm sao trong vô lượng kinh, nhiều cách khen ngợi thí Ba la mật, nói phước bố thí trọn không hư dối?

- Đại vương! Ta là một bực nói chơn, nói thật, bậc không nói gạt. Nếu ta khi dối thì độ được ai?

- Đại vương! Từ lâu ta đã dứt hết nghiệp ác, bỏ việc khó bỏ, làm sự khó làm, thân mạng được bỏ hàng trăm ngàn ức, đã tạo vô lượng hình tượng chư Phật, hồi cải vô lượng các tội nghiệp ác, há mắc những việc bị thương, bịnh khổ, ăn dùng lúa ngựa, đói khát hay sao? Nếu từng được những quả báo thù thắng, nay lại lui mất, lấy đâu khuyên tu các phước lành kia?

- Nay Đại vương! Chư Phật Như Lai là thân thường hằng, là thân pháp tánh[52], vì độ chúng sanh mà hiện việc trên, chẳng phải thật vậy. Bị thương bàn chân, đau lưng, xin sữa, uống thuốc v.v... cho đến nhập đại Niết bàn, để xá lợi mình phân chia các nơi, xây tháp v.v... Đều là phương tiện hay khéo của Phật, khiến các chúng sanh thấy tướng như vậy.

Đại vương! Ta ở thế gian hiện ra những việc bệnh hoạn như trên, mục đích muốn cho chúng sanh biết rõ nghiệp báo chẳng mất, khiến họ biết sợ để dứt tội lỗi tu các hạnh lành, để rồi sau đó, biết thân thường hằng, biết thân pháp tánh, thọ mạng vô hạn, cõi nước thanh tịnh.

- Đại vương! Chư Phật Như Lai không hề hư vọng, thuần là đại bi, trí tuệ khéo léo, cho nên có thể đủ mọi cách thức thị hiện như vậy.

Khi đó vua Ba Tư Nặc nghe lời này rồi, mừng vui khắp khởi, cùng với vô lượng trăm ngàn chúng sanh, đều phát đạo tâm Vô thượng Bồ đề[53].

Bấy giờ, Ngài đại Bồ Tát Di Lặc tiếp tục hỏi Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Có những người nữ ý chí nhỏ hẹp, mang nhiều ghen, giận, khinh bạc, siểm dối, giận dai không bỏ, mang ơn chẳng báo. Dầu cầu Bồ đề, nhưng không mấy người giữ chí bền bỉ, thường muốn mê hoặc tất cả mọi người, lại cũng bị người lừa gạt trở lại[54].

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu người nữ này tạo hình tượng Phật, những nghiệp như vậy được trừ diệt chẳng? Được làm một người biết ơn, báo ơn chẳng? Được đủ trí tuệ, đại từ bi chẳng? Với sự sống chết hay chán lia chẳng? Trừ khi nguyện lực,

ngoài ra có chịu thân nữ lại chẳng? Có được như bà Cù Đàm Di và Phật mẫu là bà Ma Gia phu nhân chẳng?

Đức Phật đáp lời Bồ Tát Di Lặc:

- Nếu người nữ nào hay tạo tượng Phật, thì hẳn không thọ lại thân phụ nữ. Giả như thọ thân, thì đó là bậc nữ lưu tôn quý đệ nhất hơn hết. Nhưng các người nữ có năm thứ đức, những gì người nữ tạo tượng sẽ được, hơn cả nữ giới. Năm đức là gì?

Một là: Sanh nở con cái.

Hai là: Giòng dõi tôn quý.

Ba là: Bẩm tánh trinh lương.

Bốn là: Thể chất tướng mạo đẹp đẽ cả hai.

Năm là: Dáng vẻ mỹ mãn.

- Di Lặc! Tất cả người nữ có tám nhân duyên cho nên hằng chịu thân nữ nhiều đời. Thế nào là tám?

Một là: Yêu dấu thân nữ.

Hai là: Ham đắm dục lạc của người phụ nữ.

Ba là: Miệng thường khen ngợi dung chất nữ nhơn.

Bốn là: Lòng không ngay thẳng, che dấu việc làm.

Năm là: Chán nản chồng mình.

Sáu là: Cõi lòng nặng trĩu nhớ đến người khác.

Bảy là: Biết người có ơn nhưng mình bội nghịch.

Tám là: Trang sức tà ngụy muốn người mê luyến.

Nếu hay dứt hẳn tám điều như thế, tạo hình tượng Phật, mãi đến thành Phật, thường làm đàn ông. Chịu thân nữ nữa là điều vô lý.

- Di Lạc! Có bốn thứ nhân duyên, khiến những người nam chịu thân nữ nhơn. Thế nào là bốn?[\[55\]](#)

Một là: Dùng tiếng người nữ khinh cười gọi Phật, chư vị Bồ Tát, các vị Thánh nhơn.

Hai là: Với người giữ giới, đem lòng chê bai, nói rằng phạm giới.

Ba là: Ưa đi nịnh hót đối gạt người khác.

Bốn là: Thấy ai hơn mình tâm sanh ganh ghét.

Nếu đàn ông nào làm bốn việc trên, sau khi chết rồi ắt chịu thân nữ, lại phải trải qua vô lượng nỗi khổ trong các ngã ác. Nếu phát lòng tin sâu dày sám hối việc làm lúc trước và tạo tượng Phật, các tội như trên đều bị tiêu diệt, rốt ráo chẳng còn chịu thân người nữ.

- Di Lạc! Có bốn thứ nhân duyên, khiến những người nam chịu thân huỳnh môn[\[56\]](#). Những gì là bốn?

Một là: Tàn hại hình dáng người và súc sanh.

Hai là: Đối với Sa môn gìn giữ tịnh giới mà nổi sân hận chế giễu chê bai.

Ba là: Tình nhiều tham dục, cố tâm phạm giới.

Bốn là: Gân người phạm giới, lại khuyên người phạm.

Nếu người nam nào trước làm điều này, sau khởi lòng tin tạo hình tượng Phật, mãi đến thành Phật chẳng chịu báo đó, thường làm đàn ông các căn đầy đủ.

Di Lạc! Có bốn thứ nghiệp hay khiến đàn ông chịu thân hai hình[\[57\]](#), thấp hèn nhứt trong tất cả mọi người. Những gì là bốn?

Một là: Loạn dâm như nhóp ở chốn tôn nghiêm.

Hai là: Với thân người nam mà đắm nhiễm bậy.

Ba là: Chính tự nơi mình làm việc dâm dục.

Bốn là: Mua bán nữ sắc cho những người khác.

Nếu chúng sanh nào làm các việc ấy, rất tự trách lỗi, hối chỗ phạm trước, khởi lòng tịnh tín tạo tượng Phật, mãi đến thành Phật, chẳng chịu thân ấy.

Di Lặc! Lại có bốn duyên khiến những người nam, tâm họ thường sanh ái dục của nữ[58], thích người với mình làm chuyện đàn ông. Thế nào là bốn?

Một là: Hoặc ngờ, hoặc giận báng bỏ người khác.

Hai là: Ưa lỗi phục sức trang điểm của nữ.

Ba là: Làm chuyện dâm nhor với người nữ bà con.

Bốn là: Thật không đức tốt, vọng nhận người lạ.

Do nhân duyên này khiến những đàn ông khởi những phiền não khác biệt như thế. Nếu như ăn năn những lỗi đã phạm, chẳng tạo lỗi mới, tâm sanh tin ưa tạo hình tượng Phật, tội kia đã diệt tâm nọ cũng dứt.

Di Lặc! Có năm thứ bòn xén[59] hay phá chúng sanh. Thế nào là năm?

Một là: Xén tiếc thôn ấp, chỗ ở gần gũi. Do đây mà sanh ở chỗ đồng mông hiu quạnh.

Hai là: Xén tiếc nhà cửa, hiên chái để ở, sẽ làm sâu cỏ, hằng ở những chỗ phân tiêu hôi nhor.

Ba là: Xén tiếc sắc đẹp đoan chánh, sẽ cảm hình xấu chẳng như ý muốn.

Bốn là: Xén tiếc của cải sẵn có, sẽ bị nghèo nàn, áo cơm thiếu hụt.

Năm là: Xén tiếc giáo pháp đã biết, sẽ mắc những quả báo súc sanh, đàn độn.

Nếu như ăn năn nghiệp trước của mình và tạo tượng Phật, thì sẽ lia tâm bòn xén trước đó, không thọ những báo như đã nói trên!

Di Lặc! Lại có năm duyên làm cho chúng sanh, sanh chỗ man di, ở chốn biên cương[60], hoặc sanh thời kỳ không có Phật Pháp. Thế nào là năm?

Một là: Chẳng sanh lòng tin trong sạch đối với ruộng lành Tam Bảo.

Hai là: Trái với lẽ thật, lệch với chánh lý, mà vọng đi giáo giới.

Ba là: Chẳng đúng lý thật mà dạy trao người.

Bốn là: Phá hòa hợp Tăng khiến thành hai bộ.

Năm là: Cho đến ít nhất phá hai Tỳ kheo khiến chẳng hòa hợp.

Dứt hẳn nghiệp trên và tạo tượng Phật, sẽ thường gặp Phật, thường nghe pháp yếu.

Di Lạc! Chúng sanh lại có năm thứ nhân duyên thường bị nhiều người chán ghét xua đuổi, cả đến người thân cũng không ưa gặp[\[61\]](#). Thế nào là năm?

Một là: Nói lời hai lưỡi.

Hai là: Nói lời hung ác.

Ba là: Nhiều sự tranh chấp.

Bốn là: Nhiều sự giận dữ.

Năm là: Giỏi nói bóng bẩy nhằm chê bai người.

Sau nếu phát tâm tạo hình tượng Phật, ăn năn nghiệp cũ thề không tạo lại, tội của người ấy đều được trừ diệt, được cả mọi người mến kính gần gũi. Tại sao vậy? Vì chư Phật có vô lượng vô biên phước đức thù thắng, vô lượng vô biên trí tuệ rộng lớn, vô lượng vô biên tam muội giải thoát[\[62\]](#), đủ những pháp tánh công đức hiếm có.

- Chư thiện nam tử! Giả sử có người đem một tam thiên đại thiên cõi nước nghiền thành bụi nhỏ, lại nghiền bụi ấy, mỗi mỗi hạt bụi chia bằng con số bụi nhỏ trong một đại thiên thế giới, những số hạt bụi được nghiền gia tăng bởi những quốc độ một cõi đại thiên nhiều biết chừng nào. Giả như có người lấy hạt bụi nghiền, dùng sức thần thông đi qua phương Đông, khoảng một sát na vượt qua cõi nước nhiều như số bụi một cõi đại thiên đã được nghiền nhỏ (bằng một phần tỷ) sát na thứ hai, sát na thứ ba lại cũng như vậy, người ấy đi mãi lâu đến số kiếp như bụi đã nghiền, rồi bao sát na trong mỗi mỗi kiếp của mỗi sát na, đều lướt qua khỏi cõi nước nhiều như số bụi được nghiền toàn cõi đại thiên, hết số cõi ấy bèn bỏ một bụi. Người ấy trở lại lấy hạt bụi khác, lại qua phương Đông hơn số cõi đó bỏ một lần nữa, đến hạt thứ ba lại hơn lần trước, lần lượt như thế, cứ gập bội lên, cho đến hết sạch số bụi đã nghiền.

Phương Đông như thế, phương Nam, Tây, Bắc lại cũng như vậy. Những chỗ bốn phương người nọ đi qua, tất cả cõi nước nghiền thành bụi hết. Những hạt bụi này tất cả chúng sanh cùng nhau tính lường còn có thể biết, còn những công đức từng phần sợi lông nơi thân Như Lai, chẳng thể biết được. Tại sao vậy?

Những công đức mà chư Phật đã có, đều vô hạn lượng chẳng thể nghĩ bàn.

Các thiện nam tử! Giả sử số người nhiều như bụi nhỏ vừa được nêu trên bằng Xá Lợi Phất, bao nhiêu trí tuệ của những người đó, chẳng bằng một niệm trí của Như Lai. Vì sao thế?

Bởi vì Như Lai trong mỗi mỗi niệm, thường hay xuất hiện chánh định giải thoát, tổng trì v.v...nhiều hơn số bụi được ví dụ trên, thứ nào cũng có vô lượng công đức thù thắng vậy.

Công đức thù thắng của các Đức Phật, tất cả Thanh Văn, tất cả Duyên Giác còn chẳng thể biết danh từ để gọi! Thế nên người nào đức tin trong sạch tạo hình tượng Phật, tất cả nghiệp chướng thứ nào cũng diệt, được những công đức vô lượng vô biên, cho đến sẽ thành Vô thượng Bồ đề, nhờ hẳn khổ não cho khắp chúng sanh.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ Tát Di Lạc và Thiên Đế Thích, vua Ưu Đà Diên và cả thế gian Trời, Người, Tu La, thần Càn thất bà được nghe Phật dạy, tất cả mừng rỡ, tin nhận vâng làm.

HẾT QUYỂN HẠ

[1] *Cây Ba Lợi Chát Đa La: Tên một giống cây đại thọ trên cõi trời Đao Lợi dịch là “Hương Biến Thọ.” Nghĩa là cây lớn có mùi hương ngạt ngào lan tỏa khắp nơi. Cũng có tên là “Thiên Thọ Vương” tức là chúa tể những loài cây trên trời. Cây này từ cành lá đến hoa trái đều thơm phức. Thân và tàng cây rất rộng che phủ cả một vùng mênh mông.*

[2] *Năm tướng suy hiện: chư Thiên trên trời Đao Lợi vị nào có năm tướng suy hiện ra, là điềm báo hiệu tuổi thọ đã sắp chấm dứt.*

1. Hoa trên đầu héo
2. Y phục như nhóp
3. Đồ mờ hôi nách
4. Thân hình hôi hám
5. Không ưa ngồi trên tòa. Mỗi khi năm tướng ấy hiện, là điềm báo trước vị trời ấy sau khi mạng chung sẽ bị đọa lạc.

[3] Nơi Phật đã ở trước đây: Tức là Tịnh xá Kỳ Hoàn, cũng gọi là Tịnh xá Kỳ Viên, tọa lạc tại ngoại ô thủ đô nước Xá Vệ, dưới thời cai trị của vua Ba Tư Nặc. Tịnh xá này do trưởng giả Cấp Cô Độc xây cất để dâng cúng Đức Phật và Thánh Chúng. Sử liệu ghi rằng Đức Phật ở nơi đây trong 25 năm. 1250 vị đại đệ tử mà các kinh thường nêu cũng thường ở Tịnh xá này. Tịnh xá Kỳ Hoàn rất rộng lớn, yên tĩnh, mát mẻ các bậc vua, quan, trưởng giả thường tới lui nghe pháp, cúng dường Đức Phật và Thánh Chúng.

[4] “Giả sử những người thông minh trong đời”: Những người thông minh trong đời, thuật ngữ thường gọi là hạng “Thế trí biện thông”, tức hạng người có tài biện bác các sự việc thế gian, như các nhà luận sư, luật sư, các nhà triết học, văn học, khoa học, toán học... Kể cả những nhà mỹ thuật như điêu khắc, hội họa, chiêm tinh, địa lý, lịch số v.v... Họ chỉ có cái trí thông minh hiểu biết việc đời, bởi họ không tin hoặc không tu theo Phật Pháp, nên không khéo hợp với “lậu tận trí” là cái trí tuệ xuất thế gian, cho nên gọi hạng người trên là thông minh thế gian.

[5] Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma: Tân dịch là Tỳ Thập Phước Yết Ma, vị này là bề tôi của trời Đế Thích, có khả năng biến hóa và làm ra các vật, các nghề khéo lạ. Thần này coi về phần kiến trúc. Tỳ Thủ Yết Ma, Hoa dịch là “Chúng chúng công nghiệp” nghĩa là: Chủ về các thứ nghề nghiệp. Sách Huyền Ứng âm nghĩa quyển 25 ghi “Trời Tỳ Thủ Yết Ma Trung Hoa dịch là “chúng chúng công nghiệp.” Ở Ấn Độ, người làm nghề mỹ thuật phần nhiều tế tự vị Thần này.

[6] Gỗ thuần Chiên đàn: Chiên đàn là một loại gỗ quý, có lẽ quý nhất trong các loại gỗ. Vừa cứng chắc, vừa thơm nức, không có mùi thơm nào sánh kịp. Gỗ này mọc ở xứ Ấn Độ. Trung Hoa và Việt Nam không có. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm có đoạn nói: “Đốt một lò hương gỗ Chiên đàn, mùi thơm của nó lan cả thành Thất La Phiệt. Như vậy đủ biết thơm đến mức nào.”

[7] Ngõa kiết già phu: Tức là ngõa tréo hai chân lên nhau, như tượng Đức Phật ngõa mà ta thường thấy. Thế ngõa này còn gọi là Liên Hoa tọa, thế ngõa này rất vững, có thể ngõa một thời gian dài. Người tu thiền định thường tập ngõa kiết già.

[8] Chắc hơi giống Phật: “(Ứng thiếu tợ Phật). Thần Tỳ Thủ Yết Ma là “Tổ sư” của nghề điêu khắc, nhưng ông tự nghĩ rằng nếu ông có tạo ra tượng Phật, cũng chỉ hơi giống phần nào mà thôi. Vì thân Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, mỗi tướng, mỗi vẻ lại có vô số vẻ đẹp khác. Vẻ đẹp nào cũng có ánh sáng lấp lánh, vi diệu tuyệt vời, thì tượng vàng, tượng gỗ, tượng đá làm sao sánh bằng, do đó mà ông nghĩ rằng chỉ có thể giống Phật chút ít. Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma còn tự lượng sức mình như thế, người trần gian làm sao tạc nổi tượng Đức Như Lai?

[9] Soạn lựa gỗ thơm, vai tợ khiêng vác: (Tuyển trạch hương mộc, kiến tợ hà phụ). Gỗ thơm là gỗ Chiên đàn như các tay thợ nề nghè. Nhà vua vào kho chọn lựa gỗ thơm và kê vai vào khiêng vác với các quan quân, khiêng một khúc gỗ bề dài hơn ba mét, rất là nặng nề. Hành động trên đây cho thấy, thời xưa những bậc minh quân tôn sùng Phật pháp rất là tốt bậc. Trên cương vị ngôi cao cực phẩm, quyền uy bậc nhất, vậy mà chẳng kể thân mình, hạ thấp mình xuống để cùng mọi người vun bồi phước đức. Vua chúa ngày nay mấy ai đã làm như thế?

[10] “Phạm Vương có thể sáng tạo thế gian”. Phạm Vương là một tên gọi khác của danh từ Đại Phạm Thiên Vương, là vị chủ tể cõi trời Đại Phạm ở Sơ thiên thuộc Sắc giới. Nhưng danh từ Phạm Vương cũng là danh từ chung, để gọi chư Thiên Sắc giới (gồm 18 cõi Trời).

Trong kinh đây nói: “Có những ngoại đạo thường tuyên bố rằng Phạm Vương có thể sáng tạo thế gian.” Thế thì, chữ Phạm Vương ở đây chỉ cho Phạm Thiên ngoại đạo. Sách Hành Sự Sao, ở cuối quyển 4 có nêu mười thứ ngoại đạo, trong có ngoại đạo nói: “Phạm Thiên là nguyên nhân sanh ra vũ trụ, chấp Phạm Thiên là “tạo vật chủ.” Hạng này có ba: 1. Phạm Thiên theo quan điểm các luận sư Phệ Đà. 2. Phạm Thiên theo quan niệm các luận sư phái Phệ Nữ (Tỳ Nữ Noa visnu). 3. Phạm Thiên theo quan niệm các luận sư phái thờ Na Hê Thủ La. Luận sư phái Phệ Đà cho rằng Phạm Thiên do trời Na La Diên sanh ra. Luận sư thờ Ma hê Thủ la cho rằng Phạm Thiên là Ứng thân của trời Ma Hê Thủ La.

[11] Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Già Da Diếp, Na Đề Ca Diếp: Ba vị này là anh em theo đạo Bà La Môn thờ lửa. Người anh cả là Ưu Lâu Tần Loa có 500 đệ tử. Già Da và Na Đề mỗi người anh có 250 đệ tử cộng chung là 1.000. Sau khi được Đức Phật hóa độ, ba anh em đem tất cả đồ chúng quy y theo Phật. 1.000 vị này thường đi chung, thường ở chung với Phật, từ Trúc Lâm Tịnh xá ở nước Ma Kiệt Đà, do vua Tần Bà Sa La xây dựng cùng đường cho đến đại Tịnh xá Kỳ Hoàn ở nước Xá Vệ, do ông Cấp Cô Độc xây dựng. Còn Ngài Ma Ha Ca Diếp, vị đại đệ tử đứng đầu của Phật, là ngoài số ba anh em ông Ca Diếp nói trên. Ngài Ca Diếp khi chưa xuất gia, Ngài là một danh sĩ lỗi lạc và là một nhà giàu có như nhĩ ở thành Vương Xá.

[12] Có thể ở giáo pháp của ta chưa diệt trở lại: Giáo pháp của Phật truyền bá trong thế gian, có nhân thường chia làm ba thời kỳ:

- a. Chánh pháp 500 năm.
- b. Tượng pháp 1.000 năm.
- c. Mạt pháp 5.000 (có chỗ nói 10.000 năm).

Cộng chung ba thời kỳ như thế là sáu ngàn rưỡi năm, hay 11.500 năm. Trong khoảng thời gian sáu ngàn rưỡi năm sau Phật nhập Niết Bàn trở lại, gọi là “thời gian giáo pháp của Phật chưa diệt trở lại.”

[13] Nhu thuận nhẫn: Nhu thuận là Tâm nhu, trí thuận. Đối với lý thật tướng tâm không trái, không nghịch, cho nên gọi là Nhu thuận. Hay an trụ nơi vị thứ của mình nên gọi là Nhân. Kinh Duy Ma Cật nơi Phẩm “Cúng Đường” nói: “Nghe pháp như vậy được Nhu thuận nhẫn.”

Nhu thuận nhẫn lại là một trong ba pháp nhẫn được nói trong kinh Vô Lượng Thọ Phật, Ba Pháp nhẫn đó là: Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn. Ba pháp nhẫn này ý nghĩa rất sâu xa, ở đây chỉ xin lược nêu vậy.

[14] “Chỉ trừ một nghiệp mà hiện thân chịu...”: Chi tiết này cho chúng ta biết: vua Ưu Đà Diên thân mắc nghiệp báo. Vậy nghiệp báo gì? Chắc chắn là nghiệp báo nói ngọng hoặc nói đớt. Sở dĩ mắc quả báo này, là do đời trước ông đã dùng lời nói ác, chê bai nhạo báng Thánh nhân nào đó, cho nên hiện thân mắc báo như thế.

[15] “Ngay khi sau đó các vua nước lớn như vua A Xà Thế v.v...”: Đoạn văn này cho thấy rằng, vua Ưu Đà Diên tạo tượng vào lúc vua A Xà Thế đã quy y Tam Bảo, tức là vài ba tháng trước

khi Đức Phật Niết Bàn (kinh Niết Bàn). Trong kinh Địa Tạng, nơi phẩm “Xưng danh hiệu chư Phật.” Đức Phật cũng có nói “Ta gần Niết Bàn” (ngô tức Niết Bàn.)

[16] “Đức Như Lai đã vì mẹ diễn nói kinh gì? Diễn nói kinh Địa Tạng. Đây là một chi tiết liên quan đến kinh Địa Tạng. Cho thấy kinh Địa Tạng được Đức Phật nói trong lúc Ngài gần Niết Bàn. Do đây mà biết, kinh Địa Tạng thuật lại những điều Đức Phật diễn nói tại Thiên cung, kinh này thuật lại những diễn biến khi Đức Phật vắng bóng và sau khi Phật từ trên Trời Đạo Lợi trở xuống thế gian.

[17] Hưởng lạc thú Trời: Lạc thú cõi Trời không nằm ngoài năm món dục lạc, đó là: Của cải, sắc đẹp, danh dự, ăn mặc, ngủ nghỉ. Tuy vậy, chư Thiên đó hóa sanh, cho nên cung điện, nhà cửa để ở, y phục, món ăn, thức uống v.v... cũng đều tùy phần phước báo của mỗi người mà tự nhiên hóa sanh, không phải tạo tác, xây dựng mới có như loài người ở thế gian. Tuổi thọ, mạng sống của chư Thiên lại lâu gấp trăm ngàn lần tuổi thọ của người thế gian hiện tại, và năm món dục lạc cũng tuyệt vời hơn người trần gian, cho nên chư Thiên tha hồ hưởng thụ không biết chán ngán, do đó mà quên tu tập trí tuệ Vô lậu xuất thế gian.

[18] “Các người phiền não rất nặng”. Người ở trần gian do tu bố thí, cúng dường, sau khi mệnh chung, có hai con đường để họ sanh đến. Một là, sanh lên cõi trời Dục giới hoặc Sắc giới. Hai là, sanh lại trong loài người làm bực trưởng giả, vua chúa, quan quyền. Sanh lên cõi trời, dù hưởng vui vi diệu nhưng cội gốc phiền não, vận sẵn có đủ và Tùy phiền não vẫn còn dày đặc. Cội gốc phiền não là: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Tùy phiền não là: Phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu v.v... Do đó Đức Phật khuyến cáo “Phiền não rất nặng.”

[19] A Tu La: Dịch là không đoan chánh. Có nghĩa là dung mạo xấu xí, còn gọi là “không có rượu.” Quả báo của loài này không có rượu để uống. Tân dịch là A Tố Lạc, là hạnh phi Thiên, ý nghĩa ở chỗ quả báo loài này giống như trời song chẳng phải trời. A Tu La thuộc loài thần, thường cùng Đế Thích chiến đấu. A Tu La là một ngã trong sáu ngã, (lục đạo), một chúng trong tám chúng mà các kinh thường nêu. Những chúng sanh tạo cái nhân bố thí nhưng nhiều sân hận, nhiều ngã mạn, nhiều nghi ngờ, sau sanh trong loài này. Cung điện của A Tu La thường ẩn sâu trong lòng núi lớn trên mặt đất. Lưng chừng núi Tu Di, cách đỉnh núi 1.000 do tuần cung điện của vua A Tu La là Tỳ Ma Chất Đa La cư trú tại đó.

[20] “Xá Chi phu nhon”: Xá Chi nghĩa là đáng yêu. Xá Chi là tên bà phu nhon của Trời Đế Thích, nhon tên của Đế Thích mà đặt là Xá Chi Bát Đế. Xá Chi vốn là con gái của A Tu La. Đàn ông của A Tu La thì xấu xí, người nữ của A Tu La lại rất đẹp đẽ. A Tu La vương thường chiến đấu với Thiên chúng, nhưng con gái của vua A Tu La nhan sắc khuynh thành, nên Thiên Đế Thích vẫn cứ cưới cô này làm vợ. Câu chuyện phu nhon Xá Chi vì cơ ghen tức xúi cha gây hấn, làm cho tiên A Già Bà vô cơ bị ngờ như trong kinh đây nói, chuyện ấy hơi dài dòng, không thể thuật hết ra đây.

Thì ra, người dưới trần gian hơn thua kiện cáo, chiến tranh chém giết, việc ấy đã đành. Chư Thiên cõi trời cũng ghen tương đố kỵ, đánh đấm sát hại, gây ra bao nhiêu cảnh “động trời”!

[21] Bốn sức Thần túc: Tức tứ Thần túc hay tứ Như ý túc. Đây là bốn món hay là bốn hạnh phẩm được tu trong 37 phẩm Trợ đạo. Tứ thần túc là bốn năng lực của thiên định. Thần là nghĩa linh

diệu. Tức là nghĩa nương vào, vì nương nơi sức thiên định, sanh ra năng lực của thân, tức sử dụng thân theo ý muốn, tâm như ý muốn. Bốn thân tức gồm có: 1. Dục thân tức hay Dục như ý tức. 2. Cần thân tức hay Tinh Tấn như ý tức. 3. Tâm thân tức hay Nhứt tâm như ý tức. 4. Quán thân tức hay Quán như ý tức. Gọi một cách chung chung thì bốn thân tức tức sáu thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông, Lộ tận thông. Danh từ này các kinh đã giải rất nhiều, nơi đây chỉ lược nêu, xin giảm bớt phân giải rộng.

[22] “Ganh tỵ” là nghĩa của hai chữ tật đố. Thấy người khác có tài đức, có nhan sắc, của cải, có thế lực hơn mình rồi không ưa thích họ, không muốn họ hơn mình, ấy là ganh (tật). Thấy kẻ khác có nhan sắc, có danh dự rồi không ưa thích, không ưa như thế gọi là tỵ, là ghét (đố). Cả tánh này vốn từ gốc tham mà ra. Nhưng chữ tham chỉ cho tư tưởng, hành động chiếm đoạt sở hữu, nhưng không ước muốn những gì người khác hơn mình. Tham là một món độc trong ba độc, là phiền não gốc. Tật đố là một trong mười món tùy phiền não bức thượng. Tùy phiền não có tất cả là hai mươi món (lược). Tùy phiền não bức thượng có mười món như đã giải ở trước.

[23] “Các Đức Như Lai sanh trong loài người”: Các Đức Phật thị hiện sanh giữ nhân loại tu hành thành bậc Chánh giác, chuyển Pháp luân và nhập Niết Bàn v.v... đều có những nguyên do sâu sắc chánh đáng. Đại để những nguyên do ấy là:

1. Loài người có đủ trạng thái khổ vui, một khi thức tỉnh chân khổ, cầu vui phát tâm tu hành, lại mau có kết quả hơn chư Thiên, chư Thần.
2. Chư Phật sanh trong loài người, cho nên sau khi Niết Bàn mới lưu Xá Lợi cho nhân gian, thiện thượng, Long cung. Vì nếu sanh nơi Thiên cung là do hóa sanh, nên khi thị tịch cũng sẽ hồn diệt, không có Xá lợi để lại cho đời.
3. Nếu sanh nơi Thiên cung, Long cung, con người sẽ không hay biết, nên không thể tu hành theo Phật.
4. Thị hiện giữa loài người có cha mẹ, vợ con nhằm khích lệ con người, nếu noi theo Ngài tu hành, tức có thể được giải thoát như Ngài.

[24] “Trong khoảng chớp mắt đã đến cõi Diêm Phù Đề”: câu này chỉ cho sức Thần túc thông của Tôn giả Đại Mục Kiền Liên. Trước đây giải sơ về tứ Thần túc trong đó có Thần túc thông. Ở đoạn này cho thấy sức Thần túc của ngài Mục Liên. Từ cung trời Đao Lợi (trên đỉnh núi Tu Di trở xuống đến mặt đất này, có thể xa trên 400 ngàn cây số theo khoa học, từ mặt đất lên cung trăng là 385.000 cây số, vậy mà Tôn giả Đại Mục Kiền Liên trong khoảng chớp mắt đã xuống mặt đất. Ôi! Thần thông trí tuệ của Thánh nhân chẳng thể suy lường. Thật ra, Thần túc thông của ngài Mục Liên còn hơn thế nữa, không phải chỉ chừng đó.

[25] Trước hết họ nhóm tại thành Vương Xá: Đây ta có thể hình dung cổ thành Tăng Già Thi hần là rộng rãi bao la, mới có thể dung nạp một số lớn người nhiều như biển rộng, gồm ít nhất bốn hoặc năm nước, từ hạng vua quan cho đến thứ dân. Như vậy, đây quả là một cuộc nghinh đón chưa hề có trong nhân loại, kể về trước đó và lúc sau này. Thế mới biết Đức Như Lai, là đáng “Trời trong Trời”, đáng “Thánh trong Thánh.” Là đáng đưa đường cho cả trời, người, là đáng

cha lành của cả muôn loài. Tiếc rằng ngày nay nhân loại không được diễm phúc chứng kiến và nghinh đón Ngài như xưa.

[26] Cùng với bốn chúng: Bốn chúng ở đây thuộc bên chúng Ni. Đó là: Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di ni và Cận sự nữ. Danh từ bốn chúng nguyên chỉ cho bốn bộ đệ tử xuất gia, tại gia của đạo Phật, gồm có: Chúng Tỳ kheo, chúng Tỳ kheo Ni, chúng Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ. Nếu kể thêm chúng Thức xoa ma na, chúng Sa di, chúng Sa di Ni nữa sẽ thành bảy chúng. Nhưng chúng Sa di nhiếp về Tỳ kheo, Chúng Thức xoa và Sa di Ni nhiếp về Tỳ kheo Ni. Cho nên nói gọn lại còn 4 chúng. Văn trên nói bốn chúng là bốn chúng thuộc bên Ni.

Đoạn trước có nêu danh từ bốn chúng và cũng kể rõ thành phần bốn chúng xuất gia, tại gia.

[27] Bốn đội binh hùng: Tức bốn thứ binh chủng: Binh lính đi bộ, binh lính đi ngựa, binh lính đi xe, binh lính cỡi voi. Ngày xưa, mỗi khi các nước có chiến tranh, các vua, quan thường sử dụng bốn loại binh chủng này.

Quang cảnh vua chúa quân binh các nước, cùng vô số nhân dân chen chúc nhau nghênh đón Đức Phật, quả là một quang cảnh chưa ai thấy. Đây có lẽ Đức Phật tạo một cơ hội để chúng sanh được cúng dường Ngài một lần cuối, trước khi Ngài Niết Bàn. Do căn lành này mà người trần thế sẽ hưởng phước báu Trời, Người, được gặp chư Phật, được các Đức Phật độ thoát nơi đời vị lai.

[28] Trời Phạm Thế: Danh từ này gọi chung các cõi trời thuộc Sắc giới, từ Sơ thiên đến Tứ thiên, gồm có 18 cõi trời. Những chúng sanh đã lìa tình dục, thành tựu Phạm hạnh, sinh lên các cõi trời này. Được sanh về các cõi này đều do hóa sanh, thân lượng rất lớn, tuổi thọ rất dài, cho nên các kinh thường gọi là Trường thọ thiện. Tuy thọ mạng dài lâu nhưng một khi phước báo đã mãn, sức định đã hết phải hạ sanh cõi trời Dục giới, hoặc sanh xuống thế gian để thọ quả báo. Bởi vậy Đức Phật vẫn gọi các Trời Trường thọ là một nạn trong tám nạn, trừ chư Bồ Tát và các Thánh giả trong Thanh Văn thừa. Mười tám cõi trời Sắc giới các kinh thường nói xin miễn trích thuật nơi đây.

[29] Cùng với đông đảo chư Thiên các trời: Câu này một lần nữa xác định, chư Thiên 18 cõi trời Sắc giới xuống rất đông đảo tiễn đưa Đức Phật, sự đông đảo ấy dường như số cát sông Hằng. Ở đoạn văn sau cũng nói “Các vị Thiên chúng cõi trời Tịnh Cư chật cả hư không.” Cõi trời Tịnh Cư thuộc Tứ thiên Thiên. Riêng trời Tịnh Cư mà đã chật cả hư không, huống chi các trời khác. Đủ thấy cuộc hội kiến giữa trời và người, đông đảo đến số vô lượng vô biên không sao tính kể. Đức Phật lại dùng thần lực khiến ra năm điều hy hữu để cuộc hội kiến này hoàn toàn thanh tịnh.

Văn trước có nói: “Do thần lực Phật cho nên cõi Diêm Phù Đề có năm điều hiếm có” năm điều đã được trình bày vừa qua. Do năm điều mà cuộc hội kiến giữa chư Thiên và loài người diễn ra trong sự thanh tịnh và Thánh thiện. Nếu Phật không dùng thần lực khiến có năm điều như thế, thì chư Thiên không chịu nổi ánh sắc, mùi vị bất tịnh của thế gian, và kẻ nam, người nữ thấy dung sắc tuyệt đẹp của chư Thiên nam, nữ, người trần gian sẽ sanh tư tưởng dục nhiễm, khiến chư Thiên động tâm và không bằng lòng.

Văn kinh trên đây diễn lại một cảnh tượng thần tiên tuyệt vời. Vô lượng hằng hà sa chư Thiên, đem những gì quý giá nhưt cõi trời, cúng dường Đức Phật, người trần gian cũng đem các món quý nhất dâng cúng đức Như Lai. Đủ cho thấy Đức Phật là đáng Ứng Cúng, đáng Chánh Biến Tri, đáng Vô Thượng Sĩ, đáng Điều ngự Trượng phu, đáng Thiên Nhơn Sư v.v... Vậy mà hàng ngoại đạo si mê tà kiếp, từ xưa đến nay, cho rằng Đức Phật không bằng các hạng trời thần của họ. Nếu được đọc đến kinh tâm tán đờm, khóc hận cho sự u tối của mình từ trước đến nay. Kinh nguyện oai thần của Phật khiến họ được xem, được biết những sự việc này.

[30] “Đồ chúng ngoại đạo... quy y lễ kính”: Đến đây chúng ta có thể trực nhận phần nào thâm ý của Phật, khi Ngài lên cung trời nói pháp. Vì làm lợi ích cho chư Thiên, vì thêm lòng khát ngưỡng cho người đời, vì làm cho ngoại đạo tà kiến thấy rõ sức đại oai thần của Phật, mà phải bỏ tà về chánh, cho nên Đức Phật thị hiện những năng lực chẳng thể nghĩ bàn như thế. Ngày xưa kẻ ngoại đạo thấy được oai thần của Phật mà phát tâm quy y lễ kính. Ngày nay tuy Phật đã Niết Bàn nhưng pháp thân Phật vẫn là thường trụ bất biến. Hàng ngoại đạo một phen được xem nghe điều này, cũng nên phá bỏ chấp trước sai lầm, cải tà quy chánh, để khỏi phụ lòng đại Từ Bi của Phật, phụ tánh linh sẵn có của mình.

[31] “Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc tự biến thân mình làm Chuyển luân vương”: Câu này cho ta thấy Ni Liên Hoa Sắc thần thông khó lường. Liên Hoa Sắc hiện thân biến tướng như thế, chẳng phải bản ý của bà muốn vậy. Bởi vì bà là một bậc đã thông đạt tạng pháp của chư Phật, lẽ đâu bà lại không biết những việc nên làm nên tránh, để phải bị quả trách của Phật ư? Chẳng qua bà muốn thị hiện để làm mô phạm cho Ni chúng đời sau đó thôi. Ngày nay Ni giới đã có người đòi hỏi “Tăng Ni bình quyền.” Sự đòi hỏi ấy thật buồn cười. Sức thần biến như Ni Liên Hoa Sắc, muốn lát lướt Tăng giới còn bị Phật quả nặng, huống kẻ dung thường mà mong vượt bực hay sao? Hãy xem mô phạm Ni Liên Hoa Sắc mà bớt cầu cao, đòi hỏi rắc rối.

[32] “Vua Ưu Đà Diên đầu đội tượng Phật”: Thật là một việc làm vô cùng cảm động, tiêu biểu tấm lòng thành kính tột độ. Tuy kinh văn nói như vậy, nhưng không hẳn là vua đội tượng trên đầu. Có thể nhà vua sai vệ sĩ khiêng tượng lên vai, còn mình thì cúi đầu đi dưới pho tượng đến trước đức Phật. Vì pho tượng cao 3m hoặc hơn nữa, ắt nặng nề, làm sao nhà vua đội lên cho nổi. Cũng có thể, do thần lực của Phật, khiến cho pho tượng nhẹ lại để vua đội lên chăng? Dầu sao đi nữa, cử chỉ của vua Ưu Đà Diên cũng tiêu biểu tấm lòng tôn sùng Đức Phật một cách tuyệt đối. Vua chúa thời xưa, tín tâm như thế, vua chúa đời này phỏng được mấy người quy y Tam Bảo? Trái lại có lắm vua quan, Tể tướng tàn hại Phật pháp, ra lệnh đập tượng, phá Tăng không chút nương tay. Nghĩ thật thương tâm.

[33] Thực hành vô lượng vô biên hạnh khổ khó làm khó nhẫn”: Vua Ưu Đà Diên dùng những lời trên để ca ngợi Đức Phật. Thật vậy, Đức Phật khi còn làm hạnh Bồ Tát, vì cầu Vô thượng Bồ Đề, Ngài đã làm những việc vô cùng khó khổ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức Tỳ Lô Giá Na từ sơ phát tâm, tinh tấn không lui, đem bất khả thuyết thân mạng để mà bố thí. Lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực, đập tủy làm nước, biên chép kinh luật của chư Phật quá khứ, chất chứa như núi Tu Di, bố thí đầu, mắt, tủy, não, da, thịt, tay, chân, nước, thành, voi, ngựa các vật sở hữu, cho đến ngày ngồi dưới cội Bồ Đề, thành đáng Chánh giác.” Hạnh khổ khó làm khó nhẫn là vậy.

[34] Ghi chú: Nơi quyển thượng này chỉ mới diễn thuật lại thời gian Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết kinh và giáo hóa chư Thiên, cùng diễn thuật lại sự tạo tượng của vua Ưu Đà Diên, và việc chư Thiên, Nhơn gian đưa đón Đức Phật trở xuống trần gian. Nơi quyển Hạ, Bồ Tát Di Lặc mới thay mặt Thánh phàm mà hỏi Đức Phật về những phước báo, công đức của việc tạo tượng.

[35] Đức Phật ngồi tòa sư tử: Đức Phật là đáng “Nhơn trung sư tử” là đáng oai hùng giữa loài người cho nên Ngài ngồi chỗ nào, lấy đức mà đặt tên chỗ đó là tòa sư tử, cũng như chỗ của Đế Vương ngồi gọi là Long tòa (bệ rồng). Luận Trí Độ quyển 7 nói: “...Đặt hiệu Sư tử nhưng thật ra chẳng phải con sư tử. Phật là đáng oai hùng giữa loài người, cho nên chỗ nào Ngài ngồi, hoặc giường hoặt đất, đều gọi là tòa Sư Tử.”

[36] Mười lục, Bốn Vô sở úy v.v...: Phật có vô lượng vô biên công đức nhưng nói gọn lại là 140 pháp Bất cộng, ấy là: 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, 4 Tinh hạnh, 10 Lực, 4 Vô úy, 3 Niệm xứ, 3 Bất hộ, Đại Bi (1), Thường không quên mất (1), Tri đoạn tập phân phiền não (1), và Nhứt thiết Chung trí (1). Một trăm bốn mươi pháp này trong kinh Bồ Tát Thiên Giới, nơi phẩm 29 giải rất đầy đủ, các kinh số khác cũng có giải nhiều. Sở dĩ gọi Bất cộng là bởi, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng chung cùng, dù có sống chung với Phật, cho nên gọi là Bất cộng.

[37] “Nếu có người nào dùng những tơ, sợi thêu thùa tượng Phật...”: Đây là Đức Phật chỉ cách tạo tượng. Người có đức tin trong sạch, tin Phật có vô lượng công đức như trên đã nêu, rồi dùng các vật liệu mà kinh đã dạy, hoặc tự mình thêu thùa, nấu đúc, hoặc thuê người khắc chạm, vẽ vờ, đắp sơn... tạo thành hình tượng Phật, phước báo người ấy không thể nghĩ bàn, như văn kinh sau nói rõ. Điều đáng lưu ý là thường phải tư duy những công đức nhiệm mầu của Phật. Sự tư duy này là yếu tố căn bản để thành tựu công đức. Nhờ tư duy nên tự tâm phát sanh hạt giống vô lậu, chính hạt giống đó sẽ làm cái nhân để thọ phước về sau. Nếu chỉ dùng tiền bạc mua thỉnh, công đức sẽ ít ỏi.

[38] “Dùng những vật đó tùy phần sức mình tạo ra tượng Phật”: Đức Phật chỉ rõ các thứ vật liệu có thể dùng tạo tượng Phật, như Phật tử nào có tay nghệ thuật, có thể dùng các vật liệu kể trên mà tạo thành tượng, hình tượng lớn, nhỏ là do ý thích của mình. Các Phật tử nữ nếu giỏi thêu thùa cũng nên phát tâm thêu hình Đức Phật để dùng lễ lạy cúng dường. Trước đây chúng tôi có đọc qua một câu chuyện, một người phụ nữ đức tin thanh tịnh thường thêu tượng Phật, một hôm trong lúc đang ngồi thêu, trên đầu mũi kim bỗng hiện ra một viên xá lợi. Thật là một việc kỳ lạ Phật tử chúng ta hãy tin sâu lời Đức Phật dạy.

Chú thích: Toàn văn nửa trang trước và nơi trang này Đức Phật dạy rõ phước báo sanh thân của người tạo tượng Phật. Tổng quát gồm có những phước như sau:

1. Không sanh vào nhà nghèo nàn mà sanh vào giòng tộc Luân vương. 2. Không sanh vào nhà hèn hạ mà sanh nơi nhà quý tộc giàu lớn. 3. Không sanh ở chỗ sơn cước biên thùy mà sanh ở trung tâm văn minh. 4. Không sanh thời kỳ không có Phật Pháp mà sanh vào thời có Phật ra đời, hoặc có Phật pháp lưu thông. 5. Không sanh vào nhà tà tín, tà kiến mà sanh nơi nhà chánh tín. 6. Không sanh vào nhà hàng thịt, làm cho các nghề ác. 7. Không sanh vào hạnh Kỹ nữ thấp hèn, tôi tớ nô bộc, mà sanh vào hạng vương phi, công chúa. 8. Hoặc sanh cõi trời làm thân Đế Thích, Phạm Vương...

Đoạn trước tổng quát nói về tám thứ phước báo sanh thân của người tạo tượng. Đó là phần thân thể và danh vị. Đến đây Đức Phật nói về tướng mạo hình dáng. Người tạo tượng Phật sau được phước báo thân thể vẹn toàn, tướng mạo đoan nghiêm, có những nét đẹp như những nét đẹp nơi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình của Phật, và chư Bồ tát, chỉ thiếu tướng nhục Kế và tướng bạch hào, tướng chũr v.v... Các tướng tốt được kể trên đây, trong các kinh thường gọi là đại nhơn tướng hay đại trượng phu tướng. Trong kinh luận có chỗ nói: Bồ Tát phải tu nhiều kiếp mới được mỗi tướng tốt nơi thân. Vậy mà một người chỉ tạo tượng Phật lại mau chóng có những tướng ấy. Thế thì công đức tạo tượng không thể nghĩ bàn.

[39] “Tựa hồ như trời Na La Diên”: Na La Diên là tên một lực sĩ trên trời, hoặc là tên khác của trời Phạm Vương. Trong sách Pháp Hoa Nghĩa Sớ quyển 12 của Ngài Gia Tường ghi: “Ngài Chơn Đế nói: Na La dịch là người. Diên dịch là Gốc sanh ra. Phạm Vương là Tổ Phụ của con người cho nên gọi là “Cội gốc sanh ra” (Sanh bản) Ngài Cư Ma La Thập thì gọi Na La Diên là lực sĩ cõi Trời... Kinh Đại Nhật Nghĩa Sớ quyển 10 nói Trời Tỳ Nữu có nhiều tên khác nhau mà tên Tỳ Nữu là một tên khác của trời Na La Diên. Cũng theo kinh Đại Nhật thì trời Na La Diên là hóa thân Phật, cũng là một trong mười chín Thần chấp Kim cang.

[40] “Những bệnh như vậy bốn trăm bốn chứng thấy đều không có”: Người tạo tượng Phật thành tựu đầy đủ những công đức thật là lạ lùng hiếm có. Ngoài những phước báu địa vị cao tôn, thân tướng vẹn toàn, thông minh trí tuệ, còn có những phước báu khác như: sức lực rất mạnh, khỏi tất cả bệnh, không các nạn dữ, khỏi các cực hình v.v... Nói chung là những nỗi khổ nơi thân mà một con người bình thường không sao tránh khỏi. Nếu người tạo tượng Phật, lại không mắc phải các nỗi khổ ấy. Về bốn trăm bốn chứng bệnh nhiều nơi đã giải.

[41] “Nghiệp lành, nghiệp dữ đều chẳng mất mát”: Vì sao các nghiệp lành dữ chẳng mất? Vì mỗi chúng sanh đều có đủ tám thức, từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và mạng na thức đều huân vào thức A lại gia Tàng thức (thức thứ 8). Tàng thức này vô hình, vô tướng nhưng rộng lớn không có ngăn mé. Tuy không hình tướng nhưng nó có công năng duy trì vô lượng vô biên kiếp trở lại. Khi nhân duyên đã thuận thực thì những hạt giống ấy bị truyền tống ra ngoài (hiện hành), làm cho chúng sanh cảm chịu vô lượng sự khổ vui. Tuy Tàng thức đủ vô lượng chủng tử thiện ác, nhưng không phải là chẳng thể phá hoại. Một khi dụng công quán chiếu thì những “chủng tử” ấy có thể bị phá diệt, hoặc mất tác dụng. Bởi ý nghĩa này nên các nghiệp đều bất định và có thể chuyển đổi.

Chú thích: Văn trên Đức Phật dạy tạo tượng để sám hối quả báo nghèo nàn, yếu mạng, tàn tật. Tạo nghiệp thế nào mà mắc các báo đó? Do chẳng gieo trồng căn lành trong ruộng phước Tam Bảo. Do không cấp giúp người nghèo, nên bị quả báo túng thiếu, nghèo nàn. Do đời trước ưa giết hại những loài chim hay thú chạy, nên mắc báo tuổi thọ sẽ ngắn ngủi. do chê bai Phật Pháp, nhạo báng Hiền Thánh, nhục mạ người tu hành, cho nên mắc quả báo tật nguyền. Nếu tự xét biết tội cũ, phát tâm tạo tượng, lễ lạy sám hối các tội lỗi trước, thế không tạo lại, tức có thể chuyển đổi quả xấu trong hiện đời nay, không hẳn phải đợi đến đời vị lai. Trong hàng tại gia đã có nhiều Phật tử, làm đúng điều này, kết quả rất đúng như kinh dạy.

[42] “Nghiệp có ba thứ”: Kinh đã trình bày về ba loại nghiệp. Thuật ngữ thường gọi là Hiện báo, Sanh báo, Hậu báo. Hiện báo là làm dữ làm lành thì ngay trong đời này qua đời sau hoặc 10 đời 100 đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo là đời nay tạo lành tạo dữ nhưng qua vô số kiếp sau mới

chịu quả báo. Còn Định nghiệp và Bất định nghiệp là, giả sử tạo nghiệp nặng quyết định sẽ đọa địa ngục, nhưng nhờ sám hối, tạo các công đức có thể khỏi đọa địa ngục nhưng phải chịu nghiệp nhẹ hơn bị lao ngục thế gian, đó là Định nghiệp. Bất định nghiệp đại để cũng như vậy.

[43] Địa ngục vô gián: Vô gián nghĩa là không gián cách, không dừng nghỉ. Người tạo năm thứ tội hay một trong năm tội như trên, quyết đọa địa ngục mà dự hành hạ không dừng. Có năm điều: 1. Chịu khổ đêm ngày cho đến nhiều kiếp không lúc nào dứt. 2. Một người cũng chặt, nhiều người cũng chặt. 3. Khí cụ hành tội nhiều loại ghê gớm, đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa hành hạ tội nhân. 4. Chẳng kể đàn ông, chẳng luận đàn bà, Trời, rồng, thần, quỷ, Mường mán, giàu, nghèo, Tội hành nghiệp cam phải đồng chịu quả. 5. Từ khi mới vào đến trăm ngàn kiếp, một ngày một đêm muôn lần chết, muôn lần sống, cầu mong một niệm tạm dừng chẳng được, trừ khi nghiệp mãn mới được chuyển kiếp. Bởi lẽ triền miên, nên gọi là vô gián. Ta nên lưu ý, tất cả hành tướng ấy đều do tâm biến hiện ra cả.

Văn trước nói đến kẻ bất tín, đối với chánh pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là chánh pháp. Đây thuộc về tội bất tín. tội này do người cố ngang bướng mà ra. Tội phá kiến nặng hơn tội bất tín. Phá kiến là phá hỏng tri kiến chơn chánh của mình, hoàn toàn bác bỏ diệu lý Phật tánh sẵn có nơi tự tâm. Đức Phật gọi hạng này là “Nhứt xiển đề” nghĩa là tự đánh mất giống Phật. Hạng này mãi mãi chịu khổ, khó thể giải thoát. Nếu tin mình có Phật tánh nhưng vì bướng bỉnh không chịu thua người chánh lý, thì tội này nhẹ hơn tội phá kiến.

[44] “Như có chúng sanh hoại pháp thân Phật”: Hoại pháp thân Phật nghĩa là không tin mình có Phật tánh, Phật tánh này là tánh bản nhiên thanh tịnh sẵn đủ nơi tất cả chúng sanh. Chư Phật chứng suốt bản tánh này, gọi là Như Lai Tạng hay Như Lai pháp thân, Pháp thân nghĩa là lấy pháp giới tánh làm thân. Pháp giới tánh là tánh linh diệu sáng suốt, trùm khắp mười phương ba đời, không một vật gì ngoài nó, Pháp tánh này vô hình vô tướng, chẳng thuộc cái có, chẳng thuộc cái không, nên rất khó nhận, khó hiểu, do đó những ngoại đạo chấp chặt thân ngã không tin nổi pháp này. Bởi vậy với chánh pháp họ cho là phi pháp, chẳng phải pháp cho là pháp.

[45] Nơi trang trước Ngài Di Lặc hỏi về tội trộm cắp vật của Phật, vật của Tăng, câu Phật chỉ dạy. Vật trong tháp Phật thì dễ hiểu. Đây xin giải sơ ba loại vật của Tăng. Vật thường trụ là những bất động sản và những tiện nghi của chùa như bàn ghế, giường tòa... Chư Tăng bên ngoài đến ở được phép sử dụng nhưng không được đem đi. Vật bốn phương Tăng: Cũng gọi là vật chiêu đề. Đó là những món tiêu thụ như rau quả, gạo, muối... Chư Tăng bên ngoài đến ở, có thể được chia phần và được phép đem đi. Vật hiện tiền Tăng là những món đã được chu cấp cho cá nhân mỗi Tăng sĩ đang sống trong cộng đồng Tăng trong một chùa. Người trộm cắp những vật của chúng Tăng sẽ chịu quả báo địa ngục vô gián (kinh Địa Tạng).

[46] “Ở trong Phật pháp mà phạm khí tội”: Khí tội thuật ngữ gọi là tội Ba la di. Khí là vứt bỏ, là bị loại khỏi Tăng số. Người phạm một trong những tội này kể như mất Tăng cách, sẽ sanh đến chỗ cực xấu chịu nhiều thống khổ lâu dài. Khí tội bên Tăng có bốn: Dâm, Đạo, Sát, Vọng. Bên ni có tám: Bốn pháp đầu như bên Tăng, hai pháp sau thuộc tội đồng lõa che dấu, và thuận theo sống chung với người mắc tội. Theo luật của Tỳ kheo, một khi phạm khí tội, không cho tác pháp sám hối. Về tội Ba la di của Bồ Tát có mười pháp, nếu phạm phải, được phép đối trước tượng Phật, Bồ Tát sám hối cho đến khi nào thấy hảo tướng thì tội ấy diệt, nhưng cần phải thọ lại mới không mất giới Bồ Tát (Luợc giải).

[47] *Ba Thừa pháp: Danh từ ba thừa văn trên đã nêu. 1. Thanh Văn lấy pháp bốn Thánh Đế làm thừa. Nghĩa là vận dụng tâm sáng suốt chứng bốn Thánh đế, nhập Chơn không Niết Bàn, không bị sanh tử trở lại. 2. Duyên Giác thừa hay Bích Chi Phật thừa: Duyên Giác lấy pháp Thập nhị nhân duyên làm thừa. do vận tâm sáng suốt chứng Pháp không chơn như, thoát ly hệ phước sanh tử, gọi là Duyên Giác thừa. 3. Bồ Tát thừa hay Phật Đại thừa: Do tu Thập độ vạn hạnh trong vô lượng vô số kiếp, thành tựu 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thành tựu mười Lục, từ Vô sở úy... Nói chung là 140 pháp bất cộng (như trước đã giải) và vô lượng vô số pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Đó mệnh danh là Bồ Tát thừa hay Phật Đại thừa.*

[48] *“Vua Ba Tư Nặc nương oai thần Phật...”: Sau khi Đức Phật nói về những công đức chẳng thể nghĩ bàn của việc tạo tượng Phật, công đức ấy có thể diệt những nghiệp như: Thoát cảnh gông cùm lao lý, khỏi cảnh nghèo nàn tật nguyền, thoát cảnh khổ nặng bởi năm tội vô gián, thoát tội bất tin, phá kiến, thoát tội trộm vật thường trụ, thoát tội Tứ khí (Ba la di)... Trong hội có một số những người chưa phát tâm Đại thừa đâm ra nghi ngờ. Phật dùng thần lực khiến vua Ba Tư Nặc thưa hỏi để Ngài giải đáp. Sự gia bị này cho ta thấy Đức Vô sở úy của Như Lai, biết chúng sanh nghi ngờ, cứ mở rộng cho họ thưa hỏi mà không hề sợ sệt khóa lấp như những hàng ngoại giáo khác.*

[49] *“Khất thực chẳng được, bát không trở về”: Vua Ba Tư Nặc thuật lại bảy “nạn” đã qua để Phật giải nghi cho đại chúng. Trong 40 năm thuyết pháp độ sanh, Đức Phật thị hiện gặp bảy trường hợp trên, ngoài ra còn có mấy trường hợp nữa như sự phao vu của Tôn Đà Ly, Chiên Giá Ma Ni... Phật thị hiện chịu các “nạn” nhằm khích lệ dụ tấn, an ủi bốn bộ đệ tử và khắp chúng sanh, để chúng sanh thấy rằng Trí tuệ vô biên, phước đức vô lượng như Ngài mà còn có lúc phải trả Đur báo, hưởng kẻ phạm phu đầy dẫy vô lượng tội lỗi làm sao tránh khỏi. Những sự thị hiện này chính là phương tiện nhiệm mầu hay khéo của Đức Phật. Nơi đoạn văn sau, Đức Phật thổ lộ cho chúng ta biết rõ ràng về những phương tiện của Ngài.*

[50] *“Ta nhớ quá khứ cách vô lượng kiếp... Lúc đó ta còn tham, giận, si mê...”: Còn tham, giận, si mê tức còn ở địa vị phạm phu, chưa được quả vị Hiền, Thánh (Tam Hiền, thập Thánh tức 40 thứ bậc Bồ Tát). Theo lời Phật dạy, nếu ước lượng thời gian thì sự lâu xa không biết cơ man mà kể. Thời kiếp lâu xa như vậy trong kinh thường gọi là “Bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số kiếp” nghĩa là kiếp số nhiều như số bụi nhỏ của bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Một cõi Phật (Phật sát) phạm vi tối thiểu là một tỷ thái dương hệ. Thế thì Bồ Tát từ khi mới phát tâm, đến lúc thành Phật, phải qua vô lượng số kiếp.*

[51] *“Ta thuở quá khứ cấp giúp vô lượng món ăn thức uống, tiền tài châu báu...”: Đức Phật Thích Ca trong thời gian tu Bồ Tát hạnh, qua vô lượng trăm ngàn muôn ức vô số kiếp, Ngài bố thí chúng sanh nào là nước, thành, vợ, con, món ăn, thức uống, các thứ châu báu, y phục, voi, ngựa, xe cộ v.v... cho đến đầu, mắt, tủy, não, tay, chân, xương, thịt, da, máu... Thứ nào cũng nhiều như cát trong đại địa. Kinh Đại Bửu Tích chép: “Như Lai bố thí máu huyết cho chúng sanh, nhiều như nước trong bốn biển lớn, bố thí da, thịt, tay chân... Mỗi mỗi đồng như cõi Diêm Phù Đề (quả đất). Đức Phật đã gieo nhơn như vậy, tất nhiên chẳng thể có quả báo thiếu ăn, thiếu uống...”*

[52] *“Chư Phật Như Lai là thân thường hằng, là thân pháp tánh”: Các Đức Như Lai pháp thân biến hư không pháp giới, nhưng chúng sanh phạm phu thấy thân Đức Như Lai chỉ cao hai*

mét, hình tướng là một Tỳ kheo. Sở dĩ như thế, là do kiến phần năng duyên của phàm phu cạn kiệt cho nên thấy sắc thân Phật nhỏ. Cái thấy đó là tận lượng ảnh hiện. Đức Phật cũng tùy tâm lượng của chúng sanh phàm phu, Thanh Văn mà hiện thân liệt ứng. Kỳ thật, thân Phật rộng lớn sánh đồng hư không, làm sao có các sự khổ nạn?

[53] Từ lúc vua Ba Tư Nặc nêu lên bảy nạn, cầu Phật quyết nghị. Đến đây chúng ta được nghe Đức Phật tiết lộ những sức phương tiện sâu kín hay khéo của Ngài, khi thị hiện ra đời khai sáng đạo giáo dẫn dắt chúng sanh. Từ bấy lâu nay hầu hết Phật tử chúng ta, khi đọc đến các chuyện kể trên, có lẽ đều tin chắc đó là sự thật hiển nhiên bất di bất dịch. Ngày nay khi gặp kinh này chúng ta, mới vỡ lẽ ra rằng Đức Như Lai thị hiện nghiệp huyền để đối trị tâm huyền vọng của chúng sanh, đưa chúng sanh đến cảnh giới chơn thật, thường hằng: Nếu Phật không thố lộ bản hoài độ sanh của Ngài như trong kinh này, chúng ta khó biết được đâu là sự thật!

[54] “Thường muốn mê hoặc tất cả mọi người, lại cũng bị người lừa gạt trở lại”: Bồ Tát Di Lặc vì thương xót nữ lưu có các tập khí sâu nặng khó dứt khó bỏ, cho nên nêu đề cầu Đức Phật chỉ dạy đường lối chuyển nghiệp, phương pháp dứt trừ. Nữ lưu đều có “bí quyết” chinh phục lòng người, nhưng kết cuộc rồi sự thua thiệt tự mình gánh chịu. “Đau đớn thay phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh vẫn là lời chung” (Nguyễn Du). Nữ giới phát tâm tinh tấn tu hành vẫn có thể vượt phàm làm Thánh. Nhưng cần xét rõ “sở đoan” chính mình, buông bỏ cá tánh ghen hờn, quyến rũ, phát tâm tạo tượng, để mau thoát khỏi thân phận nữ lưu.

Chú thích: Đức Phật được gọi là đấng Nhứt Thế Chúng Tri, biết suốt cùng tận nghiệp tánh chúng sanh. Ngài xem tất cả chúng sanh bằng con mắt từ bi bình đẳng, không hề có sự phân biệt nam nữ. Vì chỉ rõ sự hơn kém sai biệt giữa căn cơ chúng tánh mà Đức Phật nói đến nguyên nhân, cũng như chế định giới luật, để phù hợp với nghiệp tánh mỗi hạng. Nếu không như thế, thì nữ giới khó thể tu hành. Chúng ta thấy rõ cá tánh kiêu sa nhiệm trước của nữ lưu thật nặng, nghiệp ái sâu dày dồn chứa mãi lên cho nên hằng chịu thân nữ. Tuy nhiên trên cương vị phàm phu luân hồi có nam, có nữ, những gì thuộc phẩm hạnh cao quý của nữ nhơn, Đức Phật vẫn đề cao và không phủ nhận.

[55] Sau khi nói căn nguyên người nữ, do ái nhiễm nặng nên hằng chịu thân nữ. Tiếp đến Đức Phật dạy về căn nguyên người nam, do tạo bốn nghiệp sau chịu thân nữ. Kinh Báo Phụ Mẫu Trọng Ân dạy: “Đời trước thường hay lui tới tự viện cúng dường Tam Bảo, hộ trì Tăng chúng, cho nên được thân nam tử.”. Đời nay nếu dùng giọng nữ réo gọi Thánh nhơn, chê người khác, nhỏ mọn ganh ghét người giỏi hơn mình... Tạo bốn nghiệp trên sau mất thân nam, phải chịu thân nữ. Văn trên nói đến “các vị Thánh nhơn” Thánh nhơn ở đây chỉ cho các bậc Tu Đà Hoàn hướng, Tu Đà Hoàn quả, Nhứt Lai hướng, Nhứt Lai quả, Bất Hoàn hướng, Bất Hoàn quả, A La Hán hướng, A La Hán.

[56] Huỳnh môn: Tiếng Phạn gọi là Bát tra a tỳ đàm. Trung Hoa dịch là “người khuyết căn.” Trong luật có ghi năm loại huỳnh môn. 1. Sanh huỳnh môn: Từ khi sanh ra, tướng thì con trai, nhưng khuyết nam căn. 2. Huỳnh tàn huỳnh môn: Do vợ lớn vợ nhỏ ghen tương cắt bỏ khi tuổi còn ấu thơ. 3. Cát khước huỳnh môn: Do vua, quan, thâu người vào cung cấm, cắt bỏ để phòng bị thế thiếp cung nhơn. 4. Đố huỳnh môn: Do thấy người khác hành dục, khi đó thân căn sanh khởi. 5. Bán nguyệt huỳnh môn: Nửa tháng như người nam, nửa tháng không phải nam.

Hạng huỳnh môn như trên thường bị chứng bệnh mà người thường gọi là “đồng tính luyến ái”. Con số người này ngày nay rất nhiều, có thể gây các chứng bệnh thời đại mà giới y học Đông Tây đều khó chữa trị.

[57] *Thân hai hình*: Khi thì đàn ông khi thì đàn bà. Nghĩa là khi xúc chạm người nam, dục tướng dậy khởi, bỗng nhiên biến thành người nữ. Khi thân cận người nữ, dục tướng dậy khởi, bỗng thành thân nam.

Trước đây, khi nghe nói và xem trong kinh nói đến điều này, chúng tôi rất phân vân chưa rõ hư thực thế nào. Về sau có người thuật lại cùng chúng tôi rằng “thân hai hình” lại có thật. Chẳng đó chúng tôi mới tin chắc điều này. Đòi trước tạo nhân nào, đòi sau chịu quả ấy. Đức Phật là đáng Nhất Thiết Trí biết suốt ngấn mé nghiệp tánh của chúng sanh. Điều Ngài nói ra không bao giờ sai lầm. Được nghe những lời Phật dạy, chúng ta hãy tránh tạo những cái nhân thấp kém như trên, để vị lai khỏi chuốc lấy quả báo thấp hèn như kinh đã dạy.

[58] “*Tâm họ thường sanh ái dục của nữ*”: Sự ái dục giữa nam nữ là một định luật vốn có tự ngàn xưa, không máy ai tránh khỏi. Tuy vậy trong đạo phu thê phải có tiết độ chừng mực, vừa để bảo tồn thọ mạng, vừa bảo vệ hạnh phúc ở đời. Người nam nếu dâm dục thường xuyên, sau khi chết sẽ đọa địa ngục giường sắt cột đồng. Tự thấy mình nằm trên giường sắt, có những trụ đồng, gương soi biến thành chó cắn xé, thiêu đốt tội nhờn, tội nhờn chịu những thống khổ như thế trải qua nhiều kiếp. Những hành tướng này đều từ bốn đại, năm uẩn và tang thức biến hiện, không phải thật. Trời đặt để địa ngục như thế. Đạo lý của Phật thuyết minh vạn pháp duy tâm là vậy.

[59] “*Có năm thứ xén*”: Năm thứ xén lặn trong kinh thường gọi là ngũ xạn. 1. *Trụ xứ xạn*: Nghĩa là chỉ ta riêng ở chỗ này, không dung chứa người khác. 2. *Gia xạn*: Chỉ ta vào ra nhà này, không cho người khác ra vào. 3. *Thí xạn*: Chỉ riêng ta nhận của bố thí này, không cho kẻ khác nhận lấy. 4. *Dư tán xạn*: Chỉ riêng ta được nhận sự khen ngợi này, không cho người khác nhận lấy. 5. *Pháp xạn*: Chỉ riêng ta hay biết nghĩa lý sâu xa của kinh ấy, không cho người khác hay biết. (Thành Thật luận quyển 12). Kinh đây có khác một điều nhưng điểm đại khái vẫn đồng như trên.

[60] “*Có năm nhân duyên làm cho chúng sanh, sanh chỗ man di ở chốn biên cương*”: Trong năm nguyên nhân làm cho con người sanh vào chỗ nạn thì một nhân đầu “chẳng sanh tịnh tín đối với ruộng phước Tam Bảo” có thể thông cả Tăng tục. Bốn nhân duyên sau, riêng nói đến hàng ngũ xuất gia. Bởi vì, đi giáo giới Tỳ kheo Ni hay đi giáo thọ Tăng ni, là việc làm của một Sa môn Tỳ kheo, đến như chia rẽ Tăng chúng thành ra hai bộ, hoặc tối thiểu ly gián chia rẽ hai thầy Tỳ kheo, khiến cho bất hòa... Đó là những sai trái từ bức Sa môn.

[61] “*Năm thứ nhân duyên thường bị nhiều người chán ghét xua đuổi, cả đến người thân cũng không ưa gặp*”: Năm nhân duyên này bởi lỗi vọng ngữ. 1. Nói hai lưỡi, tức là đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, khiến lia ân nghĩa, kêu gọi tranh đấu, cho đến đi xúi giục hai nước đánh nhau. 2. Nói hung ác, tức nguyên rủa, hỗn ẩu mắng nhiếc nhục mạ người. 3. Nhiều sự tranh chấp, tức hay câu mâu hơn thua kinh cãi chống đối, không nhường nhịn người. 4. Nhiều sự giận dữ, Tánh tình nóng nảy, việc gì trái ý là mất bình tĩnh giận dữ quát tháo om sòm. 5. Giới nói bóng bẩy châm biếm, mỉa mai hạ giá trị người. Bởi những nhân duyên này sau mắc quả báo bị người chán ghét, xua đuổi, bà con cũng không ai ưa.

[62] “Chư Phật có vô lượng vô biên phước đức thù thắng... vô lượng vô biên tam muội giải thoát”: Các Đức Như Lai từ khi phát tâm tu Bồ Tát đạo, cho đến thành Phật, các Ngài trải qua không biết bao nhiêu thời kiếp lâu xa. Kinh nói trải qua ba vô số kiếp, đó là nói một cách tóm tắt mà thôi, nếu nói một cách nghiêm túc, thì sự lâu xa đến hàng trăm vạn a tăng kỳ kiếp, hay vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Trong thời gian đó các Ngài tích lũy vô biên phước đức, thành tựu vô biên trí tuệ, thần biến, phương tiện, giáo hóa chư Bồ Tát và khắp muôn loài chúng sanh khắp các cõi nước trong mười phương, cùng tột ngần mênh mông nơi đời vị lai, đó là nghĩa vô biên pháp công đức. Những pháp công đức này không thể dùng trí lực của phàm phu, La Hán hay trí lực của chư Bồ Tát, Tam Hiền, Thập Thánh mà biết đến. Kinh Pháp Hoa nói ‘Giả sử đầy thế gian đều như Xá Lợi Phất, cùng suy lường trí Phật chẳng biết được chút phần...” Nơi đoạn văn trên Đức Phật đưa ra một con số “kinh khủng” như thế để chúng ta có một khái niệm trừu tượng về những công đức của chư Phật. Những công đức này chúng ta không thể tìm thấy nơi pháp sanh diệt hữu vi, vì nơi thế tướng dụng rộng lớn vô biên của chư Phật hiện ra, cho nên nó khắp giới. Sở dĩ chúng sanh được lợi ích là căn cứ nơi thiện căn phước đức của chúng sanh mà có lợi ích, chư Phật không hề có tác ý riêng tư. Bản thể của chư Phật đã vô hình, thì diệu dụng cũng vô tướng.

Trước đây nêu rằng chư Phật có vô lượng vô biên trí tuệ, tam muội giải thoát, tổng trì... và người tạo tượng Phật sẽ diệt vô lượng tội, thành tựu vô lượng phước. Qua điều này, đa số tin rằng toàn do tha lực. Chúng ta không phủ nhận lý ấy, nhưng ta cũng nên tin rằng tâm lực chúng ta có phát động thì mới cảm ứng tha lực ở ngoài. Tự lực có phát động mới chiêu cảm tha lực do đó toàn tha tức tự. Bởi vì Phật với chúng sanh thể tánh bình đẳng bất nhị, do đó khi chúng ta vận dụng khả năng tuệ giác một phần, chính là ta gặt hái một phần dụng lực chẳng thể nghĩ bàn của chính tự mình. Đại thừa Công đức là đây vậy.



Âm Hán

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC KINH

QUYỀN THƯỢNG

Như thị ngã văn, nhưt thời Phật tại tam thập tam thiên, Ba Lợi Chát Đa La thọ hạ, dữ vô lượng đại Tỳ kheo chúng, cập vô lượng đại Bồ Tát câu, Di Lạc Bồ Tát Ma ha tát nhi vi thượng thủ.

Nhĩ thời Thế Tôn, tại bỉ thiên thượng tam nguyệt an cư, vi mẫu thuyết pháp, ư chư Thiên chúng, đa sở lợi ích, linh vô lượng chư Thiên ly khổ giải thoát, vô lượng chư Thiên giai mộng pháp lợi, hoạch đại phước quả. Thời bỉ chúng trung, hữu nhưt Thiên tử, thọ tương dục tận, ngũ suy tương hiện, dĩ văn pháp lực, mạng chung chi hậu, hoàn sanh thử Thiên, vĩnh ly ác đạo.

Nhĩ thời Diêm Phù Đề trung, vô hữu Như Lai, thí như ám dạ, tính trung vô nguyệt, như quốc vô quân, như gia vô chủ, hoan ngu hỉ lạc, nhứt thiết đô tức. Thị thời chúng sanh cô độc vô y, giai ư Như Lai, tâm hoài luyện mộ, sanh đại ưu não, như tán phụ mẫu, như tiền nhập tâm, cộng vãng Thế Tôn tăng sở trú xứ, viên lâm đình vũ, tất không vô Phật, bội gia bi luyện, bất năng tự chỉ.

Nhĩ thời, Ưu Đà Diên vương, trụ tại cung trung thường hoài bi cảm, khát ngưỡng chư Phật, phu nhơn thể nữ chư hoan lạc đặng, giai bất thiệp tâm, tác thị niệm ngôn: Ngã kim ưu bi, bất cứu đương tử, vân hà linh ngã, vị xả mạng gian, đắc kiến ư Phật, tâm phục tư duy! Thí nhược hữu nhơn, tâm hữu sở ái nhi bất đắc kiến, kiến kỳ trụ xứ, cập tương tợ nhơn, hoặc trừ ưu não. Phục cánh tư duy: Ngã kim nhược nghệ, Phật tiên trụ xứ, bất kiến ư Phật, ai hiểu cảm thiết, hoặc chí ư tử. Ngã quán thể gian, vô hữu nhứt nhơn, năng dữ Như Lai, sắc tướng phước đức. Trí tuệ đặng giả. Vân hà linh ngã đắc kiến thị nhơn, trừ kỳ ưu não?

Tát thị niệm dĩ, tức cánh tư duy: ngã kim ưng đương tạo Phật hình tượng, lễ bái cúng dường. Phục sanh thị niệm: Nhược ngã tạo tượng, bất tợ ư Phật, khủng đương linh ngã, hoạch vô lượng tội. Phục tác niệm ngôn: Giả sử thể gian, hữu tri chi nhơn, hàm cộng xung dương Như Lai công đức, du bất năng tận. Nhược hữu nhứt nhơn tùy phần tán mỹ, hoạch phước vô lượng, ngã kim diệc nhiên đương tùy phần tạo.

Tức thời các sắc, quốc nội sở hữu, công xảo chi nhơn, tịnh linh lai tập. Nhơn ký tập dĩ, nhi ngữ chi ngôn:

- Thùy năng vi ngã, tạo Phật hình tượng, đương dĩ trân bảo, trọng tương thù thưởng.

Chư công xảo nhơn, cộng bạch vương ngôn:

- Vương kim sở sắc, thậm vi nan sự, Như Lai tướng hảo thể gian vô thất. Ngã kim hà năng tạo Phật hình tượng? Giả sử Tỳ Thủ Yết Ma thiên, nhi hữu sở tác, diệc bất năng đắc tợ ư Như Lai, ngã nhược thọ mệnh, tạo Phật hình tượng, đản khả mộ nghị, loa kế, ngọc hào, thiếu phần chi tướng, chư dư tướng bảo, quang minh oai đức, thùy năng tác da? Thế Tôn hội đương, tòng thiên lai hạ, sở tạo hình tượng, nhược hữu khuy ngộ, ngã đặng danh xưng, tịnh giai thôi thất, thiết cộng trừ lượng, vô năng cảm tác.

Kỳ vương nhĩ thời, phục cáo chi viết:

- Ngã tâm quyết định, vật hữu sở từ. Như nhơn hoạn khat dục ẩm hà thủy, khởi dĩ ẩm bất năng tận, nhi bất ẩm da?

Thị thời chư nhơn, văn vương thử ngữ, giai tiền bá quỳ, cộng bạch vương ngôn:

- Đương y sở sắc, nhiên thỉnh đại vương, thù hứa ngã đẳng, kim dạ tư thâm, minh thần tự tác, phục bạch vương ngôn:

- Vương kim tạo tượng, ung dụng thuần tử chiêm đàn chi mộc, văn lý thể chất, kiên mật chi giả, đản kỳ hình tướng, vi tọa vi lậ, cao hạ nhược hà?

Vương dĩ thử ngữ vấn chư thần chúng, hữu nhứt trí thần, tiền bạch vương ngôn:

- Đại vương đương tác Như Lai tọa tượng. Hà dĩ cố? Nhứt thiết chư Phật, đắc đại bồ đề, chuyển chánh pháp luân, hiện đại thần thông, hàng phục ngoại đạo, tác đại Phật sự, giai tất tọa cố. Thị dĩ ung tác tọa sư tử tòa, kiết già chi tượng.

Nhĩ thời, Tỳ Thủ Yết Ma thiên, điều kiến kỳ sự, thâm tri vương ý, dục tạo Phật tượng, ư kỳ dạ trung tác thị tư duy: Ngã thân sở giải tối vi xảo diệu, thế gian chi trung, vô như ngã giả, ngã nhược vi tác, ung thiếu tự Phật, tức biến kỳ thân nhi vi tượng giả, trì chư lợi khí, chí minh thanh đán, trụ vương môn trắc, linh thủ môn nhơn, cụ bạch vương ngôn: Ngã kim dục vi đại vương tạo tượng, ngã chi công xảo, thể trung vô thất, duy nguyện đại vương mạc sử dư nhơn. Vương văn thử ngữ, tâm đại hận khánh, mệnh chi linh nhập. Quán kỳ dung chỉ, tri thị xảo tượng, tiện sanh niệm ngôn: Thế gian chi trung hà hữu thử nhơn. Tương phi Tỳ Thủ Yết Ma thiên, hoặc kỳ đệ tử, nhi lai thử da? Vương ư nhĩ thời, tức thoát thân thượng, sở trước anh lạc, thứ tự bỗng trì, dĩ quả kỳ cảnh, nhưng cảnh hứa dĩ chủng chủng vô lượng chư trân bảo vật.

Thời vương tức dữ vương tạng đại thân, ư nội tạng trung, soạn trạch hương mộc, kiên tự hà phụ, trì dữ thiên tượng, nhi vị chi ngôn:

- Thiện tai nhơn giả! Đương dụng thử mộc, vi ngã tạo tượng, linh dữ Như Lai hình tướng tương tự.

Nhĩ thời thiên tức tượng bạch vương ngôn:

-Ngã chi công xảo tuy vân đệ nhứt, nhiên tạo Phật hình tướng, chung bất năng tận. Thí như hữu nhơn dĩ thán họa nhứt, ngôn tương tự giả, vô hữu thị xứ. Thiết dĩ chơn kim nhi tác Phật tượng, diệc phục như thị.

Hữu ngoại đạo ngôn: “Phạm vương năng tác nhứt thiết thế gian, nhiên diệc bất năng tạo Phật hình tướng tận chư tướng hảo. Đản ngã công xảo thế trung vi thượng, thị cố ngã kim vị vương tác nhĩ... Kim thân tức thị nguyệt sơ bát nhứt, Phật sa tú

hợp, Tỳ Bà Ha Đề xuất hiện chi thời, Phật sơ đản sanh, hoàn hữu thử ứng, thử nhứt tường khánh, nghi ung khởi tác.

Phát thị ngữ dĩ, thao phủ trăm mộc, kỳ thanh tượng triệt Tam thập tam thiên, chí Phật hội sở, dĩ Phật thần lực, thanh sở cập xứ, chúng sanh văn giả, tội cấu phiền não giai đắc tiêu trừ.

Nhĩ thời Như Lai tức tiện vi tiểu, chủng chủng thán mỹ kỳ vương công đức, nãi chí diêu thọ a nậu đa la tam miệu tam bồ đề ký.

Nhĩ thời tam thập tam thiên chủ bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn: Kim tại nhơn gian, phá diệt hữu nhơn, tăng ư năng sanh, tác Phật tượng phủ?

Phật ngôn: Thiên chủ! Chư hữu tăng kinh tác Phật tượng giả, giai ư quá khứ, tiên dĩ giải thoát. Tại thiên chúng trung, thượng phục vô hữu, hướng ư dư xứ? Duy hữu Bắc phương, Tỳ sa môn tử Na Lý Sa Bà, tăng ư vãng tích tạo Bồ Tát tượng, dĩ tư phước cố, hậu đắc vi vương, danh Tần Bà Sa La, phục nhân kiến ngã, kim đắc sanh thiên, hữu đại thế lực, vĩnh ly ác đạo.

Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, tịnh tăng ư vãng thế, tu cố Phật đường, do thử nhân duyên, vĩnh đắc giải thoát. Kiền Phạm Ba Đề tích tác ngư thân, truy cầu thủy thảo, hữu nhiều tinh xá, thực chư thảo trúc, nhân kiến tôn dung, phát hoan hỷ tâm, thừa tư phước cố, kim đắc giải thoát. Thi Tỳ La Tăng Trì bảo cái, cúng dường Phật tượng. A Nậu Lô Đà nhiên nhứt chi đặng, diệt dĩ cúng dường. Du Bệ Na tăng tạo Phật đường, A Bà Ma Na ư Phật tượng tiền, nhiên đặng thí minh, Nan Đà Tỳ kheo ái trọng tôn nghi, hương thủy tẩy mộc... Hữu như thị đặng vô lượng chư A La Hán, giai tất tăng ư Phật tượng chi sở, bạc thân cúng dường, nãi chí cực hạ như Na Già Ba La, ư tượng tòa tiền, dĩ thiếu hứa hoàng đan, họa nhứt tượng thân, nhi vi cúng dường. Do thử phước cố, giai vĩnh ly khổ, nhi đắc giải thoát.

Thiên chủ! Nhược phục hữu nhơn, năng ư ngã pháp vị diệt tận lai, tạo Phật tượng giả, ư Di Lặc sơ hội, giai đắc giải thoát.

Nược hữu chúng sanh, phi đản vị kỳ nhi cầu xuất ly, nãi vị dục đắc vô thượng bồ đề, tạo Phật tượng giả, đương tri thử tác vi tam thập nhị tướng chi nhân, năng linh kỳ nhơn tốc trí thành Phật.

Nhĩ thời Ưu Đà Diên Vương, tâm tự tư duy: vân hà linh ngã sở tạo chi tượng tổ đắc thành tựu? Tác thị niệm dĩ, ngữ dĩ tượng ngôn:

- Nhữ khả cần tâm, linh công tốc tất, sử ngã tạo đắc chiêm ngưỡng lễ kính.

Thị thời thiên tượng vận kỳ công xảo, chuyên tinh phi giải, bất nhứt nhi thành, kỳ tượng giả phu, tọa cao thất xích, diện cập thủ túc giai tử kim sắc.

Thời Ưu Đà Diên Vương, kiến tượng đắc thành, tướng hảo đoan nghiêm, tâm sanh tịnh tín, hoạch Nhu thuận nhẫn. Kỳ đắc nhẫn dĩ, ích gia hân khánh, sở hữu nghiệp chướng, cập chư ưu não, tịnh đắc tiêu trừ. Thí như nhứt xuất, vu lộ giai tận, duy trừ nhứt nghiệp hiện thân thọ giả, dĩ tăng ư Thánh hơn khởi ác ngữ cố. Kỳ vương nhĩ thời, tức dĩ chủng chủng thù thân vật, thường bỉ thiên tượng, thị thời thiên tượng, kính bạch vương ngôn:

- Vương kim tạo tượng, ngã tâm tùy hỷ, nguyện dữ đại vương, đồng tu thử phước. Kim vương sở tứ, phi ngã cảm thọ, nhược yếu tương dữ, đãi dư kiệt nhật. Tác thị ngữ dĩ, tức ư kỳ dạ, hoàn thăng bốn thiên.

Nhĩ thời, chư đại quốc vương, A Xà Thế đấng, tịnh tiên ư Phật, tâm hoài khát mộ, văn vương tạo tượng, công dĩ hoạch thành, giai sanh hỷ khánh, cộng chí vương sở. Các dĩ vô lượng hoa hương âm nhạc, cúng dường Phật tượng, phục dĩ chủng chủng, chư thân bảo vật, tặng phụng ư vương, hàm tác thị ngôn: Đại vương sở tác, thậm vi hi hữu, năng bạt ngã đẳng sâu ưu độc tiền.

Nhĩ thời Như Lai, tại bỉ thiên trung, vị mẫu thuyết pháp, cập chư Thiên chúng hàm đắc lợi hỷ, sở ưng tác sự giai dĩ tác ngật, phục cáo chúng ngôn:

- Chư Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn thị thường trụ thân. Nhược chư chúng sanh hữu khả độ giả, tức vi xuất hiện, giáo hóa thuyết pháp. Nhược sở tác sự tất, cánh vô hữu năng thọ pháp háo giả, Như Lai ư thử, tức tiện bất hiện. Vô trí chi hơn, vị Phật thật diệt. Như Lai thân giả, pháp thân, thường thân, thật bất diệt độ.

- Chư Thiên tử! Nhứt thiết chư Phật, pháp giai như thị vị, hóa chúng sanh, hữu hiện, bất hiện.

Nhĩ thời Như Lai phục tác thị ngôn:

- Nhữ đấng đương tri, thử chư Thiên chúng, sở ưng độ giả, giai dĩ độ ngật, ngô kim tương dục hạ Diêm Phù Đề. Nhữ đấng chư Thiên, nhược niệm ngã giả, đương cần tinh tấn, vật phục phóng dật, sở dĩ giả hà?

Phóng dật quá thất cố, linh nhữ đẳng bất đắc A nậu Đa La tam miệu tam bồ đề. Nhiên nhữ đẳng, dĩ ư vãng tích, tăng chúng thiện căn, kim đắc tại thử thọ thiên khoái lạc, tiện trước phóng dật, bất tu phước hạnh.

Thử chư khoái lạc, vô thường sở tùy, nhứt tùng vãn trụ trường luân ác đạo.

Hựu nhữ đẳng chư Thiên! Phiền não vu trọng, kiến hữu thắng kỳ, tiện sanh tật đố, tăng bất niệm ngôn: Bỉ thiên thắng lạc, do đa phước nghiệp, chi sở cảm trí. Ngã nhược cần tu, tất diệt đương đắc. Hựu kim nhữ đẳng thân sắc quang trạch, như nhựt sơ huy, nhược hoài tật đố tâm, ám như tử thán, phục đương linh đạo, đại hắc ám trung, nãi chí bất năng tự kiến thủ chương, hậu phục đương tác thử thổ chi quý.

- Hựu nhữ đẳng chư Thiên! Thọ chúng phước báo, thân tướng nghiêm khiết, oai thế đồng mãnh, do tật đố cố, đương thọ nữ thân vĩnh thất trọng phu oai mãnh chi lực.

- Chư Thiên tử! Ngã niệm tích giả, hữu vô lượng chư vương, giai vi nhữ đẳng tật đố chi tâm, phi lý sở hại. Chư Thiên tử! Tích hữu A tu la vương, danh viết Ô La tu hành khổ hạnh, giới phẩm thanh khiết, nhi nhữ chư Thiên, khiến nhứt thiên nữ, danh Ô Bà Thi, hoặc bỉ vương tâm linh khuy tịnh hạnh, kỳ vương nhiệm trước, oai đức tôn giảm, bị Na La Diên thiên chi sở sát hại, tịnh vô lượng A tu la chúng, đồng thời bại diệt. Kỳ Na La Diên thiên, ký sát thử vương, hựu tru kỳ chúng, nhân tức thâm thủ Ô Bà Thi nữ, nhi vãng thiên cung.

- Phục hữu nhứt vương, danh viết Na Ha Thọ, nhữ đẳng chư Thiên cuồng hoặc chi ngữ, trợ chư Thiên chúng, phạt A tu la, Tu la phá dĩ, Tu la phá dĩ, nhữ đẳng chư Thiên phản gia kỳ hại.

- Hựu nhữ đẳng chư Thiên! Dĩ Xá Chí phu nhơn cố, tâm sanh, phần đó, cấu hành sàm hủy, linh A Già Bà tiên nhơn, vô cố bị hiềm, nhi hưng ác nguyện.

- Hựu nhữ đẳng chư Thiên! Tăng vi cuồng hoặc, vị Ê Trà vương viết: Tiên nhơn chi xứ, đa hữu chơn kim, vương tín thử ngôn, bức chi linh xuất. Tiên nhơn do thị, tâm sanh phần nhuế, tức thời mãnh hỏa, thiêu sát kỳ vương.

- Tích phục hữu vương, danh viết đề bà, thường thiết đại hội, dĩ vi cúng dường, dĩ tu phước nghiệp, oai lực tự tại, thường thử thiên trung, thọ thiên khoái lạc. Nhữ chư Thiên đẳng, tâm hoài tật đố, linh tùng Đạo Lợi, thoái đạo Diêm Phù, sở hữu oai thế, tịnh giai tán thất, như nguyệt vô quang, như hà vô thủy.

- Chư Thiên tử! Thế trung hữu nhơn, oai đức tự tại, hoặc đắc chư định, hoặc đắc thần thông, hoặc hữu thành tựu Tứ thần túc đẳng. Nhược khởi nhưt niệm tặc đồ chi tâm, như thị công đức, nhưt thời thoái thất, như Đê Bà Đạt Đa, ngu si hậu trọng, nãi ư ngã sở, sanh tặc đồ ý, tức thời tự thất ngũ chủng thần thông.

Nhĩ thời Thiên Đế Thích bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Ngã kim hữu nghi, dục hữu sở vấn: Ngôn tặc đồ giả, vân hà thị đa? Phục tác thị ngôn:

- Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh, kiến tha thắng kỹ, sanh như thị niệm: Vân hà linh ngã, hoạch bỉ sở đắc, như thị di tâm, thị tặc đồ phủ?

Phật ngôn: Phát dã! thử thị tham tâm, phi vi tặc đồ.

- Thiên chủ! Kỳ tặc đồ giả, tự cầu danh lợi, bất dục tha hữu, ư hữu chi nhơn, nhi sanh tăng nhuế, thị vi tặc đồ.

Nhĩ thời chư Thiên chúng, giai tùng tòa khởi, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật nhi tác thị ngôn:

- Như Phật sở hồi, ngã chư Thiên chúng giai đương phụng hành. Như Lai Thế Tôn, vi phụ vi chúa, vi tôn trọng giả, vi tối thắng giả, năng ư ngã đẳng, khởi đại từ bi, nhi lai chí thử, linh chư Thiên chúng giai đắc lợi ích, ngã đẳng sở nguyện, du vi vị mãn, dục ư Như Lai trùng thỉnh nhưt sự.

- Thế Tôn! Thế gian chi nhơn, ngã đẳng chư Thiên, đa sanh khinh mạn. Hà dĩ cố? Dĩ chư Phật Như Lai, nhơn trung sanh cố, phục ư nhơn trung thành chánh giác cố. Nhơn trung đa hữu chư A La Hán nhi đắc quả cố, chư đại oai đức Bích Chi Phật, phục ư nhơn gian nhi xuất hiện cố.

Như Lai kim giả, nhược bất trụ thử, hạ Diêm Phù Đề, thế gian chi nhơn, vị ngã đẳng chư Thiên, bất tri Như Lai hữu đại oai đức, ưng thọ chư Thiên như pháp cúng dường, phục vị ngã đẳng bất năng cúng dường chư Phật Thế Tôn. Duy nguyện Như Lai thiếu trụ ư thử, thọ ngã vi cúng, linh bỉ nhơn gian, tri ngã đẳng chư Thiên, cúng dường ư Phật. Vu thời Thế Tôn, mặc nhiên hứa khả.

Nhĩ thời Phật cáo đại Mục Kiền Liên: Nhữ khả tiên vãng Diêm Phù Đề, vấn tán tứ chúng, tác như thị ngôn: Nhưt thiết chúng sanh ức niệm ngã giả, hàm ưng tập hội Tăng Già Thi quốc, khước hậu thất nhưt, giai đương kiến ngã.

Nhĩ thời đại Mục Kiền Liên đánh lễ Phật túc, lễ Phật túc dĩ, như nhứt thuần khoảnh
đáo Diêm Phù Đề, dĩ Phật sở sắc cáo chư tứ chúng. Thời Ưu Đà Diên vương đăng,
cập nhứt thiết chúng sanh, văn Phật thử ngôn, nhược thân nhược tâm, hoan hỷ
đồng dục, giai trừ ưu não, phổ đắc thanh lương.

Nhĩ thời tứ chúng, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, dục cộng vãng
nghệ Tăng Già Thi quốc, tịnh tiên lai tập Vương Xá thành trung, hồ tương vị ngôn.

- Như Lai Thế Tôn hạ Diêm Phù Đề, thùy năng tiên đắc cung kính lễ bái, pháp vị
tận lai, hằng vi thượng thủ.

Nhĩ thời Ma Ha Ca Chiên Diên văn thử ngữ dĩ, tâm hoài bất duyệt, khủng Tỳ kheo
Ni, đắc vi thượng thủ. Hà dĩ cố? Dĩ chúng chi trung, hữu Ưu Ba Nan Đà, Liên Hoa
Sắc, nhị Tỳ kheo Ni, thiện năng thông đạt chư Phật pháp tạng, sở đắc thần thông,
duy trừ Mục Liên, cánh vô đẳng cố. Tác thị niệm dĩ, chúng chúng ha trách Tỳ kheo
Ni chúng.

Thời Liên Hoa Sắc Tỳ kheo Ni, cáo chư Ni ngôn:

- Ngã đẳng nữ nhơn, tại ư tục gian thường đắc tôn quý, tưng sử chúng tộc ti tiện chi
giả, nhưng đắc trọng phu cung kính lễ trọng, thừa, sự cúng dường. Hựu Phật pháp
trung, chư Tỳ kheo Ni, phụ mẫu quyền thuộc, đa thị vương chúng, tinh tấn trì giới,
bất phạm oai nghi, cụ chư đức nghiệp, nhưng linh lễ kính sơ giới Tỳ kheo. Hựu tôn
giả Ca Chiên Diên, kim phục tác thử, chúng chúng ha trách. Ngã vi nữ đẳng, thiết
chư phương tiện, linh Tỳ kheo Ni xuất quá ư bỉ. Tác thị ngữ dĩ, dữ chư tứ chúng,
tức thời vãng phó Tăng Già Thi thành.

Nhĩ thời Ba Tư Nặc vương, A Xà Thế vương, Cập Tỳ Xá Ly quốc, Nghiêm Xí
vương đăng, các tương tứ binh, tiền hậu đạo tưng, hữu đại thế lực, sở thừa tượng
mã, giai dĩ chúng chúng bảo vật trang nghiêm, phan cái hương hoa, tinh chúng kỹ
nhạc, oai dung túc mục, trạng nhược chư thiên, giai diệc vãng nghệ, Tăng già thành
sở.

Nhĩ thời Ưu Đà Diên vương, nghiêm chỉnh tứ binh, dĩ vi thị tưng, thừa đại bạch
tượng, trân bảo ỷ sức, cung tự hà đới, sở tạo chi tượng, hoa phan âm nhạc, tùy trực
cúng dường, tưng kỳ bốn quốc, hướng Tăng Già Thi thành.

Nhĩ thời Tỳ Thủ Yết Ma thiên, tịnh chư Thiên chúng, tri Phật tương dục, hạ Diêm
Phù Đề, tác tam đạo bảo giai, tưng Tăng Già Thi thành chí Đạo Lợi thiên, kỳ giai
trung đạo, lưu ly sở thành, lưỡng biên giai đạo, tất dụng huỳnh kim, túc sở tiền xú,
bổ dĩ bạch ngân, chư Thiên thất bảo nhi vi gian sức.

Nhĩ thời Đế Thích, khiển sứ vãng nghệ Dạ Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, cập vu Phạm thế, nhi cáo chi viết: Như Lai bất cử hạ Diêm Phù Đề, dục hữu cúng dường, nguyện lai chí thử, Phục khiển sứ vãng tứ thiên vương thiên, đại hải Long Vương, Kiền Tát Bà, Khẩn Na La, Dạ xoa đấng chúng nhi vị chi ngôn: Thế Tôn kim dục hạ Diêm Phù Đề khả trì sở hữu lai thử cúng dường.

Thời bỉ chư Thiên, cập Long thần đấng văn thử ngữ dĩ, mị bất vân tập Đao Lợi thiên trung.

Nhĩ thời Thế Tôn, tại Tu Di sơn đảnh, dữ chư Thiên chúng, tương dục hạ thời, nhưt thiết chư Thiên, tiền hậu dục từng, oai đức xí thanh, quang minh hách dịch, như mãn nguyệt tại không, chúng tinh cộng nhiễu, như húc nhựt sơ xuất, thái lệ phân ánh. Thời Phật chúng hội, kỳ trạng như thị.

Nhĩ thời, Diêm Phù Đề trung, dĩ Phật oai thần, hữu ngũ chủng hy hữu chi sự.

Nhứt giả: Linh bỉ chư Thiên bất kiến nhân gian bất tịnh chi vật.

Nhị giả: Linh chư nữ nhơn, kiến bỉ thiên nam, nhi vô dục tướng.

Tam giả: Diệc linh trọng phu, kiến chư Thiên nữ bất sanh nhiễm ý.

Tứ giả: Linh ư nhơn gian, diêu kiến chư Thiên chủng chủng cúng dường.

Ngũ giả: Chư Thiên chi thân, quang khiết tế diệu, phi nhơn sở đở, dĩ Phật thần lực, hiên nhiên minh trước giai khả đắc kiến.

Nhĩ thời Thế Tôn, từng thiên sơ hạ, túc đạo bảo giai, Phạm Thiên tại hữu, thủ chấp bạch cái, Đế Thích tại tả, thủ trì bạch phát, kỳ dư chư Thiên, giai thừa hư khôn, từng Phật nhi hạ, nhưt thời đồng tấu, chủng chủng âm nhạc, các tự bổng trì, tràng phan bảo cái, tán hoa cúng dường. Tịnh cư thiên chúng, trác tắc hư không, vô lượng bá thiên, chư Thiên thể nữ, trì bảo châu anh lạc, ca tán Phật đức. Phục hữu chư Thiên, ư hư không trung, vũ chủng chủng hương, cập chủng chủng hoa, chư long vũ ư, vi diệu hương vũ, vu thời không trung, tịnh vô vân ế, lô thanh mỹ diệu, văn giả hỷ duyệt. Càn Tát Bà thần, Khẩn Na La thần, tấu Đề Bà Na Già, vi diệu chi khúc, ca tán Như Lai, bốn sanh chi sự.

Vu thời Diêm Phù Đề nội, vương cập thân nhơn, tịnh tứ chúng đấng, châu tấp biến mãn Tăng Già Thi thành, hoặc tán hương hoa, hoặc trì phan cái, xuy loa kích cổ chủng chủng âm nhạc, hướng không cúng dường, cử thủ, hiệp chưởng, chiêm

ngưỡng ư Phật. Nhơn thiên danh hoa, thượng hạ giao tán, tần phân nhi hạ, tích chí ư tất. Chư ngoại đạo chúng, kiến tư sự giả, hàm diệc phát tâm, quy y lễ kính.

Nhĩ thời Thế Tôn tức đạo bảo giai, thứ đệ nhi hạ, chí ư bán lộ, tứ thiên vương thiên, tức ư kỳ sở quảng thiết cúng dường. Thử cúng thù diệu, kiếp sơ dĩ lai, vị tăng hữu dã.

Nhĩ thời Như Lai, thọ thiên cúng tất, phục dữ đại chúng, tuần giai nhi hạ, chí tối hạ cấp, dục tiền địa thời, kỳ Liên Hoa Sắc Tỳ kheo Ni, tức biến kỳ thân tác Chuyển Luân Vương, lãnh tứ chủng binh, thất bảo tiền đạo, tùng không lai hạ, tất chí Phật sở, chư quốc vương đẳng các hưng thị niệm: “Thử Chuyển Luân Vương, tùng hà sở lai?”

Vu thời Tôn giả Tu Bồ Đề, tại tự phòng trung, kiến Phật hạ lai, tức chinh y phục, diêu thân lễ kính. Thời Liên Hoa Sắc tỳ kheo Ni xả Luân Vương thân, hoàn phục bản hình, đệ tức đánh lễ Phật Thế Tôn tức.

Nhĩ thời Thế Tôn, chủng chủng ha trách bỉ Tỳ kheo Ni, nhi vị chi viết:

- Nhữ kim tri phủ? Tu Bồ Đề dĩ tiên lễ ngã. Nhữ đắc thùy giáo, biến tác Luân vương?

Nhữ đắc dự xuất gia, thọ Cụ túc giới, dĩ quá kỳ phân, nhữ trí tuệ vi thiếu, siểm trá vô biên từ bi báo ân, như lộ nhưt đích, khởi năng ư ngã pháp trung, nhi vi thượng thủ?

Thời Liên Hoa Sắc tỳ kheo Ni, văn Phật giáo hỏi, thâm sanh quý sĩ, tức bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Ngã kim tự tri, vi quá bất thiếu, tùng kim dĩ hậu bất cảm phục cánh biến hiện thân thông.

Nhĩ thời Diêm phù đề nội, quốc vương đại thân, tịnh tứ bộ chúng, giai dĩ sở trì chủng chủng cúng cụ, cúng dường ư Phật.

Thời Ưu Đà Diên vương đánh đối Phật tượng, tinh chư thượng cúng trân dị chi vật, chí Như Lai sở, nhi dĩ phụng biến. Phật thân tướng hảo, cụ túc đoan nghiêm, tại chư Thiên trung thù đặc minh hiển thí như mãn nguyệt, ly chúng vân ế. Sở tạo chi tượng, nhi đối ư Phật, du như đòi phụ tử Tu Di sơn, bất khả vi dụ. Đản hữu loa kế, cập dĩ ngọc hào thiểu tự ư Phật, nhi linh tứ chúng, tri thị Phật tượng.

Nhĩ thời Ưu Đà Diên vương bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai quá khứ u sanh tử trung, vì cầu bồ đề, hành vô lượng vô biên nan hành khổ hạnh, hoạch thị tối thượng vi diệu chi thân, vô dũ đẳng giả. Ngã sở tạo tượng, bất tợ u Phật, thiết tự tư duy, thậm vi quá cứu.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo bỉ vương ngôn:

- Phi vi quá cứu, nhữ kim dĩ tác vô lượng lợi ích, cánh vô hữu nhơn dũ nhữ đẳng giả. Nhữ kim u ngã Phật pháp chi trung, sơ vi quý tấ. Dĩ thị nhân duyên cố, linh vô lượng chúng sanh đắc đại tín lợi. Nhữ kim dĩ hoạch vô lượng phước đức, quảng đại thiện căn.

Thời Thiên Đế Thích phục cáo vương ngôn:

- Vương kim u thử vật hoại ưu cụ. Như Lai tiên tại thiên thượng, cập thử nhơn gian, giai xung tán u vương, tạo tượng công đức, phạm chư Thiên chúng, tất diệt tùy hỷ, vị lai thế trung hữu tìn chi nhơn, giai nhân vương cố, tạo Phật hình tượng, nhi hoạch thắng phước, vương kim nghi ưng, hoan hỉ tự khánh.

QUYỀN THƯỢNG CHUNG



PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC KINH

QUYỀN HẠ

Nhĩ thời Thế Tôn, u Tăng Già Thi đạo tràng, tọa Sư tử tòa, thời chư tứ chúng tâm các niệm ngôn: Nhữ đẳng nguyện vãn Như Lai diễn thuyết tạo tượng công đức. Nhục hữu chúng sanh tác Phật hình tượng thiết bất tương tợ, đắc kỷ sở phước?

Nhĩ thời Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát tri kỳ niệm tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quỹ hiệp chưởng, bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Kim Ưu Đà Diên vương tạo Phật hình tượng, nhục Phật tại thế, nhục dĩ Niết Bàn, kỳ hữu tín tâm năng tùy tạo giả, sở hoạch công đức, duy nguyện Thế Tôn quảng thuyết kỳ tướng.

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Đế Thích, Đế Thích! Thiện tư niệm chi, đương vị nữ thuyết.

Nhược hữu tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhơn, ư Phật công đức, chuyên tinh hệ niệm, thường quán Như Lai oai đức tự tại, cụ túc thập lực, tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp, Đại từ đại bi, nhưt thiết trí trí, Tam thập nhị chủng đại nhơn chi tướng, Bát thập tùy hình hảo, nhưt nhưt mao không, giai hữu vô lượng dị sắc quang minh, bá thiên ức chủng, thù thắng phước đức, trang nghiêm thành tựu, vô lượng trí tuệ, minh liễu thông đạt, vô lượng tam muội, vô lượng pháp nhẫn, vô lượng Đà la ni, vô lượng thần thông... Như thị đẳng nhưt thiết công đức, giai vô hữu lượng, ly chúng quá tất, vô dữ đẳng giả.

Thử nhơn như thị đế niệm tư duy, thâm sanh tín nhạo, y chư tướng hảo nhi tác Phật tượng, công đức quảng đại, vô lượng vô biên, bất khả xưng số.

- Di Lạc! Nhược hữu nhơn dĩ tạp thái nhi vi hội sức hoặc phục dung trừ kim ngân đồng thiết, duyên tích đẳng vật, hoặc hữu điều khắc Chiên đàn hương đẳng, hoặc phục tạp dĩ chơn châu loa bối, cầm tú chức thành, đàn thổ, bạch khôi, nhược nê, nhược mộc, như thị đẳng vật, tùy kỳ lực phần nhi tác Phật tượng, nãi chí cực tiểu, như nhưt chi đại năng linh kiến giả, tri thị tôn dung, kỳ nhơn phước báo, ngã kim đương thuyết:

- Di Lạc! Như thị chi nhơn, ư sanh tử trung tuy phục lưu chuyển, chung bất sanh tại bản cùng chi gia, diệc bất sanh ư biên tiêu quốc độ, lạ liệt chủng tánh, cô độc chi gia, hựu diệc bất sanh mê lệ xa đẳng, thương cô phản hóa, đồ hội đẳng gia, nãi chí bất sanh ty tiện kỹ sảo bất tịnh chủng tộc, ngoại đạo khổ hạnh, tà kiến đẳng gia, trừ nhân nguyện lực, tịnh bất sanh bỉ.

Thị nhơn thường sanh Chuyển Luân Thánh vương, hữu đại thế lực, chủng tánh chi gia, hoặc sanh tịnh hạnh Bà La Môn, phú quý tự tại, vô quá tất gia. Sở sanh chi xứ thường ngộ chư Phật, thừa sự cúng dường, hoặc đắc vi vương năng trì chánh pháp, dĩ pháp giáo hóa, bất hành phi đạo, hoặc tác Chuyển Luân Thánh vương, thất bảo thành tựu, thiên tử cụ túc, đẳng không nhi hành, hóa tứ thiên hạ, tận kỳ thọ mạng, tự tại phong lạc, hoặc tác Đế Thích, Dạ Ma Thiên vương, Đâu Suất Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương. Tha Hóa Tự Tại thiên vương, nhơn thiên khoái lạc, mị mất giai thọ. Như thị phước báo, tương tục bất tuyệt, sở sanh chi xứ, thường tác trạng phu, bất thọ nữ thân, diệc phục bất thọ, huỳnh môn nhị hình, ti tiện chi thân. Sở thọ chi thân vô chư xú ố, mục bất manh diêu, nhĩ bất lung hôi, tử bất khúc lệ, khẩu bất oa tòa, thân bất hạ thù, diệc bất trừu sáp, xỉ bất sơ khuyết, bất hắc, bất hoàng, thiết bất đoản cấp, hạn vô lưu anh, hình bất ủ lủ, sắc bất ban bác tỳ bất đoản súc, túc bất

qua bá, bắt thậm sáu, bắt thậm phì, diệc bất thái trường, diệc bất thái đoản, như thị nhưt thiết, bất khả hỷ tướng, tất giai vô hữu.

Kỳ thân đoan chánh, diện mạo viên mãn, phát hám thanh, sắc, nhuyễn trạch quang tịnh, thân như đan quả, mục nhược thanh liên, thiết tướng quảng trường, xỉ bạch tê mật, phát ngôn xảo diệu, năng linh văn giả, vô bất hỷ duyệt, tỳ trừu bị trường, chương bình thân hậu, yêu bề sung thật, hung ức quảng đại, thủ túc nhu nhuyễn, như đầu la miên, chư tướng cụ túc, vô sở khuyết giảm, như Na La Diên thiên, hữu đại cân lực.

- Di Lặc! Thí như hữu nhơn đọa thanh xỉ trung, tòng bị đắc xuất, quát trừ chúng uế, tịnh thủy tẩy mộc, dĩ hương đồ thân, trước tân khiết y như thị thử nhơn tỳ tại xí trung du vị đầu xuất, tịnh uế hương xú, tương khứ hỷ hà? Thử sự huyền cách vô hữu đẳng hội.

- Di Lặc! Nhược phục hữu nhơn, ư sanh tử trung, năng phát tín tâm tạo Phật hình tượng, tỳ vị tạo thời tương khứ huyền cách diệc phục như thị. Đương tri thử nhơn, tại tại sở sanh, tịnh trừ nghiệp chướng, chủng chủng kỹ thuật, vô sự tự giải. Tuy sanh nhơn thú, đắc thiên lục căn, nhược sanh thiên trung, siêu việt chúng thiên, sở sanh chi xứ vô chư tật khổ, vô giới lại, vô ung thư, bất vi quý mị chi sở nhiễm trước, vô hữu điên cuồng, càn tiểu đẳng bệnh, hoàng ngược trung hà, ác sang ân tật, thổ lộ vô độ, âm thực bất tiêu, cử thể toan đông, bán thân nuy tích. Như thị đẳng bệnh, tứ bá tứ chủng giai tất vô hữu.

Diệc phục bất vị độc dược binh trượng, hổ lang sư tử, thủy hỏa oán tặc, như thị hoạnh duyên chi sở thương hại, thường đắc vô úy, bất phạm chư tội.

- Di Lặc! Nhược hữu chúng sanh tác tạo ác nghiệp đương thọ chủng chủng chư khổ não sự. Sở vị: già tòa nữ giới, đả mạ thiêu chích, bát bì bạt phát, phản hệ cao huyền, nãi chí hoặc bị phân giải chi tiết. Nhược phát tín tâm tạo Phật hình tượng, như thị khổ báo, giai tất bất thọ. Nhược khẩu tặc xãm nhiều, thành áp phá hoại, ác tinh biến quái, cơ cấn tật dịch, như thị chi xứ, bất sanh kỳ trung, nhược ngôn sanh giả, tư tác vọng thuyết.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai thường thuyết: Thiện bất thiện nghiệp, giai bất thất hoại. Nhược hữu chúng sanh tác chư trọng tội, đương sanh ti tiện chủng tánh chi gia, bản cùng tật khổ, thọ mệnh yếu súc, hậu phát tín tâm tạo Phật hình tượng, thử chúng tội báo, vi cánh đương thọ, vi bất thọ da?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Nhược bỉ chúng sanh tác chư tội dĩ phát tâm tạo tượng cầu ai sám hối, quyết định tự đoạn, thế bất trùng phạm tiên thời sở tác giai đắc tiêu diệt. Ngã kim vị nhữ quảng minh thử sự.

- Di Lặc! Thí nhược hữu nhơn, túc hành xan lẫn dĩ thị duyên cố, thọ bản cùng khổ, vo chư tài bảo, tư dụng quý pháp, hết ngộ tỳ kheo tiên nhập diệt định, từng định sơ khởi, túc dĩ âm thực cung kính phụng thí, thử nhơn thí dĩ vĩnh xả bản cùng, phạm hữu sở tu tất như kỳ ý. Di Lặc! Bỉ bản cùng nhơn. Tiên thế ác nghiệp, cập sở đắc báo, kim hà tại da?

Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Thế Tôn! Do thí thực cố tiên thế ác nghiệp giai tất diệt tận, vĩnh ly bản cùng, đại phú sung túc.

Phật ngôn: Di Lặc! Như nhữ sở ngôn, đương tri thử nhơn diệc phục như thị. Do tạo tượng cố, bỉ chư ác nghiệp vĩnh tận vô dư, sở ưng thọ báo, giai bất phục thọ.

- Di Lặc! Nghiệp hữu tam chủng: Nhứt giả hiện thọ, nhị giả sanh thọ, tam giả hậu thọ. Thử tam chủng nghiệp trung, nhứt nhứt giai hữu định dữ bất định. Nhược nhơn tín tâm tạo Phật hình tượng, duy hiện định nghiệp thiếu phần dung thọ, dư giai bất thọ.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát ma ha tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai thường thuyết, hữu ngũ chủng nghiệp tối vi thâm trọng, quyết định đọa u vô gián địa ngục, sở vị: Sát phụ, hại mẫu, sát A La hán, dĩ ác nghịch tâm xuất Phật thân huyết, phá hòa hợp Tăng. Nhược hữu chúng sanh tiên tác thử tội hậu u Phật sở sanh tịnh tín tâm, tạo Phật hình tượng thử nhơn vi cánh đọa u địa ngục, vi bất đọa da.

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Ngã kim vị nhữ trùng thuyết thí dụ: Như hoặc hữu nhơn thủ chấp cường cung, u thọ lâm gian, hướng thượng xạ diệp, kỳ tiền triệt vãng, tăng vô sở ngại. Nhược hữu chúng sanh phạm tư nghịch tội, hậu tác Phật tượng, thành tâm sám hối, đắc vô căn tín, ngã tưởng vi bạc, tuy đọa địa ngục, hoàn tức xuất ly như tiền bất đình, thử diệc như thị, hựu như tỳ kheo đắc Thần túc thông, từng hải thử nạn đao

ư bỉ ngạn, châu triển tứ châu, vô năng ngại giả thử nhơn diệc nhĩ. Do tiên sở tạo, tạm đọa địa ngục, phi bỉ túc nghiệp sở năng vi ngại.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát ma ha tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thị pháp tánh thân phi sắc tướng thân, nhược dĩ sắc tướng vi Phật thân giả Nan Đà Tỳ kheo dữ chuyển luân Thánh vương, giai ưng thị Phật, dĩ tất cụ hữu chư tướng hảo cố. Hoặc hữu chúng sanh hoại Phật pháp thân, pháp thuyết phi pháp, phi pháp thuyết pháp, hậu phát tín tâm nhi tạo Phật tượng, thử chi trọng tội vi diêu tiêu diệt, vi bất đắc diệt?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Nhược bỉ chúng sanh pháp thuyết phi pháp, phi pháp thuyết pháp, duy dĩ khẩu ngôn nhi bất hoại kiến, hậu sanh tín nhạo tạo Phật hình tượng, thử tiên ác nghiệp, đản ư hiện thân nhi thọ khinh báo, bất đọa ác đạo, nhiên ư sanh tử, vị tức giải thoát.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Nhược hữu nhơn đạo Phật tháp vật, đạo tăng kỳ vật tứ phương tăng vật, hiện tiền tăng vật, tự dụng dữ nhơn, như kỳ vật tướng. Thế Tôn thường thuyết: dụng Phật tháp vật, cập tăng vật giả, kỳ tội cực trọng. Nhiên bỉ chúng sanh tác thị tội dĩ, thâm tự hồi trách, khởi tịnh tín tâm nhi tạo Phật tượng, như thị đẳng tội vi diệt phất da?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc nhược bỉ chúng sanh, tăng dụng thử vật, hậu tự tinh sát, thâm hoài quý hối, y số thù bôi, thế cánh bất phạm, ngã kim vị nhữ thuyết nhưt thí dụ: Như hữu bàn nhơn, tiên đa phụ trái, hốt ngộ phục tàng, đắc vô lượng bảo hoàn kỳ trái dĩ, trưởng hữu dư tài, đương tri thử nhơn diệc phục như thị, thù bôi bỉ vật, hựu tạo Phật tượng, miễn chư khổ hoạn, vĩnh đắc an lạc.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Ư Phật pháp trung, phạm Ba la di, bất danh vi sanh. Hoặc phục hữu nhơn, tác tư tội dĩ, phát tâm ức niệm chư Phật công đức nhi tạo Phật tượng. Ư Phật pháp trung, đắc tái sanh phủ? Hựu ư kim sanh, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ sanh trung... hoạch chúng pháp phủ?

Phật cáo Di Lặc Bồ tát ngôn:

- Di Lặc! Thí như hữu nhơn, thân bị ngũ phược, nhược đắc giải thoát như điều xuất võng, chí vô ngại xứ, thử nhơn diệc nhĩ. Nhược phát tín tâm, niệm Phật công đức nhi tạo Phật tượng, nhưt thiết nghiệp chương giai đắc tiêu trừ, ư sanh tử trung tốc xuất vô ngại. Di Lặc đương tri, thừa hữu tam chủng, sở vị: Thanh văn thừa, Độc giác thừa, cập dĩ Phật thừa, thử nhơn tùy ư hà thừa nhi khởi nguyện nhạo, tức ư thử thừa, nhi đắc giải thoát. Nhược đản vi thành Phật, bất cầu dư báo, tuy hữu trọng chương, nhi đắc tốc diệt, tuy tại sanh tử, nhi vô khổ nạn, nãi chi đương chúng Vô thượng Bồ đề, hoạch thanh tịnh độ, ư chư tướng hảo, sở đắc thọ mạng thường vô hữu tận.

Nhĩ thời bối trung, vị hữu phát Đại thừa tâm giả, giai sanh nghi niệm: “Như Lai quá khứ vi tạo Phật tượng, vi bất tạo da? Thiết nhược tác giả, vân hà thọ mạng nhi hữu cạn cực hữu bệnh hữu khổ đa chư uế trước bất đắc thanh tịnh?”

Thời Ba Tư Nặc vương thừa Phật oai thần, tức tùng tòa khởi, trường quỳ hiệp chưởng nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Ngã kiến Như Lai chư căn tướng hảo, cập dĩ chủng tộc giai tất đệ nhưt, kỳ tâm quyết định vô hữu sở nghi, nhiên Phật Thế Tôn tăng ư nhưt thời, bị Khư đà la mộc thích thương kỳ túc. Hựu ư nhưt thời ngộ Đề Bà Đạt Đa thôi sơn bính thạch thương túc xuất huyết, Tích phục nhưt thời xướng ngôn hữu bệnh, mệnh khiến Kỳ Bà điều hạ lợi dục, hựu nhưt thời trung tăng hoạn bồi bệnh, mệnh Ma Ha Ca Diếp tụng thất Bồ đề phần, sở khổ đắc trừ. Phục ư nhưt thời tăng hữu sở hoạn, sử A Nan Đà vãng Bà la môn gia khát cầu ngưi nữ. Vãng phục nhưt thời, ư Bà La thôn trung, tam nguyệt an cư, duy thực mã mạch. Phục tăng nhưt thời, khát thực bất đắc, không bất nhi hoàn.

Như Thế Tôn ngôn : Nhược hữu nhơn tác Phật tượng giả, sở hữu nghiệp chương giai đắc trừ diệt, ly chúng khổ não, vô chư bệnh tật. Thế Tôn vãng tích, vi tăng tác tượng, vi bất tăng tác? Nhược ư tích thời tác Phật tượng giả, bà nhân nhi hữu như thị đẳng sự?

Phật cáo Ba Tư Nặc vương ngôn:

- Đế thính! Đế thính! Thiện tư niệm chi, đương vị đại vương phân biệt giải thuyết. Đại vương! Ngã ư vãng thế vi cầu Bồ đề, dĩ chúng bảo chiên đàn, thái họa đẳng sự nhi tác Phật tượng, quá thử hội trung nhơn thiên chi số. Dĩ tư phược cố, tuy tại sanh tử, vị tận chư hoặc, nhiên sở thọ thân, kiên như kim cương, bất khả tổn hoại.

- Đại vương! Ngã niệm quá khứ u vô lượng kiếp sanh tử chi trung tạo Phật hình tượng, nhĩ thời thượng hữu tham sân si đặng, vô lượng phiền não nhi cộng tương ung, nhiên vị tăng u nhứt niệm chi gian, dĩ tội nghiệp cố, hữu tứ đại bất điều, cập ác quỷ thần, chư thiếu bệnh khổ, sở tu chi vật, mặc bất sung bị, hưởng ngã u kim dĩ đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, nhi hữu như thị bất như ý sự?

- Đại vương! Nhược ngã tích thời tăng tác Phật tượng kim hữu tàn nghiệp, thọ tư báo giả ngã phục vân hà, tác vô úy thuyết, ngôn tạo Phật tượng, quyết định năng tận chư ác nghiệp da?

- Đại vương! Ngã u quá khứ, cập thí vô lượng ẩm thực tài bảo vân hà kim thời khát thực bất đắc, nhi thực mã mạch, thắng kim thử sự nhi hữu thật giả, vân hà ngã u vô lượng kinh trung, chủng chủng tán thán Đàn Ba la mật, thuyết kỳ phước nghiệp chung bất hư dã?

- Đại vương! Ngã thị chơn thật ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả, ngã nhược khi cuồng, hưởng dư nhơn hồ?

- Đại vương! Ngã dĩ cứu cứu đoạn nhứt thiết ác nghiệp, năng xả nan xả năng hành nan hành, sở xả thân mạng, quá bách thiên ức dĩ tạo vô lượng chư Phật hình tượng dĩ hồi vô lượng chư tội ác nghiệp, khởi đắc hữu tư, hủy thương, bệnh khổ, thực đạm mã mạch, cơ khát đặng sự. Nhược tăng đắc thắng quả kim hoàn thối thất, hà giả khuyến tu thử chúng phước thiện?

- Đại vương! Chư Phật Như Lai, thường thân pháp thân vi độ chúng sanh, cố hiện tư sự, phi vi thật dã.

Thương túc, hoạn hồi khát nhũ, phục dược, nãi chí Niết Bàn, dĩ kỳ xá lợi phân bố khởi thá. Giai thị Như Lai phương tiện thiện xảo, linh chư chúng sanh kiến như thị tướng.

- Đại vương! Ngã u thể gian, hiện u như thị chúng hoạn sự giả, dục thị chúng sanh, nghiệp báo bất thất, linh sanh bố úy, đoạn nhứt thiết tội, tu chư thiện hạnh, nhiên hậu liễu tri thường thân, pháp thân, thọ mạng vô hạn, quốc độ thanh tịnh.

- Đại vương! Chư Phật Như Lai vô hữu hư vọng, thuần nhứt Đại bi, trí tuệ thiện xảo, cố năng như thị chủng chủng thị hiện.

Thị thời Ba Tư Nặc vương, văn thị thuyết dĩ, hoan hỷ đồng dược, dữ vô lượng bá thiên chúng sanh, giai phát A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tâm.

Nhĩ thời Di Lạc Bồ Tát Ma ha tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Hữu chư nữ nhơn, chi ý hiếp liệt, đa hoài tậ nhuế, khinh bạc siểm khúc, hữu hận bất xả, tri ân bất báo. Thiết cầu Bồ đề, mạc năng kiên thủ, thường dục cuồng hoặc nhưt thiết chúng sanh, diệc phục vi tha chi sở cuồng hoặc.

- Thế Tôn! Nhược thử nữ nhơn tạo Phật hình tượng, như thị chư nghiệp đắc trừ diệt phủ? Đương lai tắc tác nam kiện trượng phu cầu Phật quả phủ? Đắc tác tri ân báo ân nhơn phủ? Đắc cụ trí tuệ, đại từ bi phủ? Ư sanh tử pháp năng yểm ly phủ? Trừ nhân nguyện lực đắc cánh bất thọ nữ nhơn chi thân, như Cù Đàm Di, cập Phật mẫu Ma Gia phu nhơn phủ?

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Nhược hữu nữ nhơn, năng tạo Phật tượng, vĩnh bất phục thọ nữ nhơn chi thân, thiết thọ kỳ thân, tắc vị nữ bảo, tôn thắng đệ nhưt. Nhiên chư nữ nhơn, hữu ngũ chủng đức, thử nữ sở đắc xuất quá chư nữ. Hà đẳng vi ngũ?

Nhứt giả: sanh dựng tử tức.

Nhị giả: chủng tộc tôn quý.

Tam giả: Bẩm tánh trinh lương.

Tứ giả: Chất tướng thù tuyệt.

Ngũ giả: Tư dung mỹ chánh.

- Di Lạc! Nhứt thiết nữ nhơn, hữu bát chủng nhân duyên hằng thọ nữ thân. Vân hà vi bát?

Nhứt giả: Ái bảo nữ thân.

Nhị giả: Tham trước nữ dục.

Tam giả: Khẩu thường tán mỹ nữ nhơn dung chất.

Tứ giả: Tâm bất chánh trực, phú tàng sở tác.

Ngũ giả: Yểm bạc tự phụ.

Lục giả: Niệm trọng tha nhơn.

Thất giả: Tri nhơn hữu ân nhi kỷ bội nghịch.

Bát giả: Tà ngụy trang sức, dục tha mê luyến.

Nhược năng vĩnh đoạn như thị bát sự nhi tạo Phật tượng, nãi chí thành Phật, thường tác trượng phu, cánh thọ nữ thân vô hữu thị xứ.

- Di Lặc! Hữu tứ chủng nhân duyên, linh chư nam tử thọ nữ nhơn thân. Hà đẳng vi tứ?

Nhứt giả: Dĩ nữ nhơn thanh khinh tiểu hoán Phật, cập chư Bồ Tát, nhứt thiết Thánh nhơn.

Nhị giả: Ư tịnh trì giới nhơn, dĩ phi báng tâm thuyết ngôn phạm giới.

Tam giả: Hảo hành siểm mị cuồng hoặc ư nhơn.

Tứ giả: Kiến tha thắng kỷ, tâm sanh tật đố.

Nhược hữu trượng phu hành thử tứ sự, mạng chung chi hậu, tất thọ nữ thân, phục kinh vô lượng chư ác đạo khổ. Nhược phát tín tâm, hồi tiên sở tác nhi tạo Phật tượng, tắc kỳ tội giai diệt, tất cánh bất thọ nữ nhơn chi báo.

- Di Lặc! Hữu tứ chủng nhân duyên, linh chư nam tử thọ huỳnh môn thân. Hà đẳng vi tứ?

Nhứt giả: Tàn hại tha hình, nãi chí súc sanh.

Nhị giả: Ư trì giới Sa môn, sân tiểu báng hủy.

Tam giả: Tình đa tham dục, cố tâm phạm giới.

Tứ giả: Thân phạm giới nhơn, phục khuyến tha phạm.

Nhược hữu nam tử tiên hành thử sự, hậu khởi tín tâm tạo Phật hình tượng, nãi chí thành Phật, bất thọ tư báo, thường tác trượng phu, chư căn cụ túc.

- Di Lặc! Hữu tứ chủng nghiệp, năng linh trượng phu thọ nhị hình thân, nhứt thiết nhơn trung tối vi kỳ hạ, hà đẳng vi tứ?

Nhứt giả: Ư tôn kinh sơ, nhi hữu chung uế.

Nhị giả: Ư nam tử thân, phi xứ nhiễm trước.

Tam giả: Tức ư tự kỷ nhi hành dục sự.

Tứ giả: Huyền mại nữ sắc nhi dữ tha nhờn.

Nhược hữu chúng sanh tăng hành thử sự, thâm tự cửu trách hối tiên sở phạm, khởi tịnh tín tâm tạo Phật hình tượng, nãi chí thành Phật, bất thọ thử thân.

- Di Lặc! Phục hữu tứ duyên, linh chư nam tử kỳ tâm thường sanh nữ nhờn ái dục, nhạo tha ư kỷ, hành trượng phu sự. Hà đẳng vi tứ?

Nhút giả: Hoạch hiềm, hoặc hý báng hủy ư nhờn.

Nhị giả: Nhạo tác nữ nhờn y phục trang sức.

Tam giả: Ư thân tộc nữ hành dâm uest sự.

Tứ giả: Thật vô thắng đức vọng thọ kỳ lễ.

Dĩ thử nhân duyên linh chư trượng phu khởi ư như thị biệt dị phiền não. Nhược hối tiên phạm cảnh bất tạo tận, tâm sanh tín nhạo, tác Phật hình tượng, kỳ tội ký diệt, thử tâm diệt tức.

Di Lặc! Hữu ngũ chủng xan năng hoại chúng sanh, hà đẳng vi ngũ.

Nhút giả: Xan tích sở trụ lân ấp, do thử đương ư khoáng dã trung sanh.

Nhị giả: Xan tích sở cư trạch vũ, đương tác cổ thân, hằng cư phần uest.

Tam giả: Xan tích đoan chánh hảo sắc, đương cảm xúc ác, bất như ý hình.

Tứ giả: Xan tích sở hữu tư tài, đương thọ bần cùng y phục pháp thiếu.

Ngũ giả: Xan tích sở tri chi pháp, đương hữu ngoan độn, súc sanh đẳng báo.

Nhược hối kỷ tiên nghiệp, tạo Phật tôn nghi, tắc vĩnh ly xan tâm, vô tiền sở thọ.

- Di Lặc! Phục hữu ngũ duyên linh chư chúng sanh, sanh biên di chi xứ, cập vô Phật pháp thời. Hà giả vi ngũ?

Nhút giả: Ư Tam Bảo lương điền, bất sanh tịnh tín.

Nhị giả: Bội thật khuy lý vọng hành giáo giới.

Tam giả: Bất như lý thật nhi hữu giáo thọ.

Tứ giả: Phá hòa hợp Tăng linh thành nhị bộ.

Ngũ giả: Cực thiếu nãi chí phá nhị Tỳ kheo linh bất hòa hợp.

Nhược vĩnh đoạn tư nghiệp, tạo Phật hình tượng, tác thường ngộ Phật hưng, hằng văn pháp yếu.

- Di Lạc! Chúng sanh phục hữu ngũ chủng nhân duyên, thường bị ư nhơn chi sở yếm trực, nãi chí chí thân diệc bất hỷ kiến. Vân hà vi ngũ:

Nhứt giả: Lương thiệt.

Nhị giả: Ác khẩu.

Tam giả: Đa tranh.

Tứ giả: Đa sân.

Ngũ giả: Xảo thuyết tương tợ chi ngôn dĩ hành phi báng.

Nhược phục phát tâm tạo Phật hình tượng, hồi tiên ác nghiệp, thế bất trùng tác, kỳ sở tác tội, tình đắc trừ diệt, vi nhứt thiết nhơn chi sở ái kính. Hà dĩ cố?

Chư Phật hữu vô lượng vô biên thắng phước đức cố, vô lượng vô biên đại trí tuệ cố, vô lượng vô biên tam muội giải thoát đẳng, chủng chủng hy hữu công đức pháp cố.

Thiện nam tử! Giả sử hữu nhơn, dĩ tam thiên đại thiên quốc độ, mạng vi vi trần, phục tội bỉ trần, nhứt nhứt, trần phần, đẳng bỉ tam thiên đại thiên quốc độ vi trần chi số, hữu như thị đẳng toái vi trần số tam thiên đại thiên quốc độ. Thiết phục hữu nhơn, thủ nhứt toái trần, dĩ thần thông lực vãng ư đông phương, nhứt sát na khoảnh, quá bỉ sở toái vi trần số tam thiên đại thiên quốc độ, đệ nhị, đệ tam hậu hậu sát na giai diệc như thị, nãi chí chung bỉ toái trần số kiếp bỉ chư kiếp trung sở hữu sát na, nhứt nhứt sát na, các vi nhứt kiếp, kinh nhĩ hứa kiếp sát na sát na, giai độ như tiền toái vi trần số tam thiên đại thiên quốc độ, như thị tất dĩ, nãi hạ thủ trần. Thị nhơn hoàn lai cánh thủ nhứt trần, phục vãng đông phương quá tiền nhứt hội, hạ trần nhi phản, chí đệ tam trần hội ư đệ nhị, như thị thứ đệ chuyển bội ư tiền, nãi chí tận thủ toái vi trần số.

Như thuyết Đông phương, Nam, Tây, Bắc phương giai diệc như thị. Thị nhơn tứ phương sở kinh chi xứ, nhứt thiết quốc độ tận mặt vi trần, thử chư vi trần, nhứt thiết chúng sanh, cộng giáo kế trừ lượng, dung khả chi số. Ư Như Lai thân nhứt mao không phần, sở hữu công đức bất khả tri dã. Hà dĩ cố?

- Chư Phật Như Lai sở hữu công đức vô hữu hạn lượng bất tư nghị cố.

- Thiện nam tử! Giả sử như tiền vi trần đẳng số, Xá Lợi Phát đẳng, sở hữu trí tuệ, bất cập Như Lai, nhứt niệm chi trí. Hà dĩ cố? Như Lai ư niệm niệm chung thường năng xuất hiện quá tiền trần số tam muội giải thoát, Đà la ni đẳng, chủng chủng vô lượng thắng công đức cố.

Chư Phật công đức, nhứt thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật, ư kỳ danh tự diệc bất năng tri. Thị cố nhược hữu tịnh tín chi tâm, tạo Phật hình tượng, nhứt thiết nghiệp chướng, mạc bất trừ diệt, sở hoạch công đức vô lượng vô biên, nãi chí đương thành A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, vĩnh bạt chúng sanh nhứt thiết khổ não.

Phật thuyết thử kinh dĩ, Di Lạc Bồ Tát, cập tam thập tam thiên, Ưu Đà Diên vương, nhứt thiết thế gian Thiên, Nhơn, A tu la, Càn thát bà đẳng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

QUYỀN HẠ CHUNG

Kinh này được ấn tống do Tăng chúng tại Địa Tạng Viên Quang Tự, Seattle, WA cùng với Ban Hộ Pháp và một số Phật tử ở PORTLAND, OREGON, và CALIFORNIA.

Hồi hướng cho Cửu Huyền Thất Tổ được siêu sanh Tịnh độ và thân nhân hiện tiền được nhiều hàm triêm lợi lạc.

Ngày Ấn Tống 01/02/2003

[^]